

PHẨM : PHƯƠNG TIỆN

Từ phẩm Phương Tiện đến hết phẩm Hương Tích, cả chín phẩm này nói Đại sĩ giúp Phật mở mang bất tư nghì giải thoát nhân quả Phật quốc, có hai: Một là nêu ý phân chương. Để phá hữu vi..., ngài Kinh Khê nói: Nay dựa vào nhà mua bán dâm, quán rượu... các nơi, chính nói việc hữu vi duyên tập. Đã nói hiển bày bất tư nghì Pháp thân tức chỉ điều kinh trước nói, phù hợp thành tức chỉ thuyết kinh này. Một mực tuy như thế, nhưng không bằng nói phá hữu vi vô vi duyên tập để thành bốn cõi “độ). Hai là dựa vào chương giải nghĩa, có ba: a, Nói phương tiện. Nói đến Phật quốc, Chánh nói: Nói Như Lai thân bản bậc Thượng căn học đạo. Trước đối Phổ Tập, ngài Kinh Khê nói: Kinh này tông khác nhưng thể cùng nó đồng, vì vậy cũng lấy chân tánh làm thể. Sở dĩ lại dùng thể kinh trước, là vì Pháp Hoa độc hiển còn cùng tất cả Đại thừa đồng thể, huống là đều gồm mang thể đồng có gì lạ! Song chỉ cần lấy tông đối thể mà lựa chọn. Nên nói thể là thể của tông gia, tông là tông của thể gia. Thể là sở thủ, tông là năng thủ. Cho nên đem kinh này so với kinh Phổ Tập thì y chánh tự phân chia. Vì vậy khiến Pháp Hoa một thừa nhân quả, sở thủ của tông không đồng các kinh. Kinh này bèn là Tông sở thủ của nhân quả Phật quốc. Cho nên khiến tông của thể gia khác hẳn các thuyết. Vì thể trông vào tông đồng mà lại khác, vì tông trông vào thể khác mà lại đồng. Hiểu sâu ý này có thể dùng để phán quyết các giáo, có thể hội nhập các bộ. Nay vì mê, nên y chánh mỗi thứ đều luận. Khi đã hiểu rõ há lại nghe Chánh báo mà mịt mờ y báo ư? Cho nên nay nói y cần phải kể lại. Nên ở văn sau hỏi đáp mà chọn ra ý chỉ. Lại cần phải biết, nghe kinh Phổ Tập trước kịp khi nghe Phật quốc thì liền được khai ngộ. Tuy có trước sau, nay trông vào phương tiện mà gọi chung là Thượng căn.

“Phương tiện...” thì gọi trung gọi hạ. Thượng căn thì lợi, Trung hạ thì độn, cho đến truyền làm lợi độn. Vi mạng ...” là ngài Tịnh Danh khen thưởng trung hạ được ngộ, Chánh nói nhận lợi ích. Vì người chưa hiểu tức căn trung hạ, khiến lìa các duyên tập. Ngài Kinh Khê nói: Tiếng gọi chung về các duyên tập. “ Nếu tịnh ...” là cảm quả đến sinh. Hỏi ...” là liệu giả. Chung làm thể cho các kinh, đây là nói nghĩa thể đồng, như trước đã ghi “ký). Nếu lại dùng sự mà phân biệt “giả) thì kinh Phổ Tập đâu không nói tông, kinh này há không nói thể? Cho nên biết cả hai kinh đều luận về tông thể. Văn theo ảnh lược, cho nên lấy kinh Phổ Tập làm thể cho kinh này, kinh này làm tông cho kinh Phổ Tập. Sinh

khởi thứ lớp khiến không rối loạn. Cũng lại lấy kinh Phổ Tập làm tựa cho kinh này, đâu lại khiến kinh Phổ Tập không chính thức mà kinh này không tựa ư?

Lược giải thích nghĩa phương tiện: Nêu chương. Tùy giải thích Giải thích năm chương, có năm: 1', Lược giải thích tên. Ngài Kinh Khê nói: Trong Pháp Hoa sơ vì hiển thật nên phân làm ba giải thích. Nghĩa là pháp dụng, môn và bí diệu. Nay bỏ hai, chỉ lấy pháp dụng, tức môn là luận hướng vào, Bí diệu thì khai quyền. Nay chưa khai quyền nên thiếu giải thích sau. Không lấy môn, là vì Bồ-tát có thể nhập, còn Nhị thừa thiếu sót. Đối với Bồ-tát đã căn cứ đương phần lại bỏ truyền nhập cho nên lại không nói. Dựa vào lý cũng hợp cùng dụng môn một nghĩa. Vì đương phần nhập cùng pháp dụng đồng, nên lại chỉ dùng một ý với pháp dụng. Lại thông suốt Bí giáo cũng có thể dùng đầy đủ ba nghĩa ấy, mới là chỗ trí hiểu thiên lệch. Pháp thì vẫn nay lại chỉ cho phép ba lệch. Pháp Hoa sơ đều chỉ bốn giáo đều gọi là pháp. Cho nên vì chưa viên dung nên mới thuộc phương tiện của kinh này, không giống với kinh kia xét về bốn giáo. Căn cứ ở giáo đồng dị, ngài Kinh Khê nói: Kế căn cứ bốn giáo mà luận chỗ bất đồng, tức là kinh luận chỗ nêu ra không đồng. Văn trước đều chỉ nêu hai môn Có và không có mà thôi.

Thiếu ba, bốn, tức hiểu hai thì hiểu ba, bốn. Song dụng là ba, song phi là bốn. Thế nên không nêu lại ba, bốn. Lại còn giáo sau trông vào giáo trước hoặc Thật hoặc Quyền mà nói giáo nói chứng. Hoặc tha hoặc tự, tự tha đối nhau đều gọi là quyền. Đã không phải việc làm của đương giáo, dụng trông từ nói, nên đều là Quyền. Lại trong đương giáo tự tha đối nhau đều dùng giáo trước hoặc chứng hoặc nói đều là quyền cả, vì cùng đoạt nhau, đoạt trước là thật, thành sau là quyền. Đương giáo cũng được gọi là Thật. Vì muốn đối luận một đôi nên lập tự tha. Như Đại kinh có nói: Chỗ thấy của người đời... tam giác Ngài Kinh Khê nói như Tỳ-đàm đến Thật trí.

Hỏi: Trong đây đã nói: Sự lý vô thường. Sự thì có thể là vô thường, còn lý vì sao như thế?

Đáp: Chiếu lý về Không cũng gọi là vô thường. Cho nên khiến thành luận để trong hữu môn, sự lý đều quyền, vì chấp lý hữu môn tức sự.

Pháp chương, tức là nội giới trần sa. Thông giáo, ngài Kinh Khê nói: Cũng có thể dẫn Đại phẩm. Nếu có pháp khác Niết-bàn, là chứng ở thật trí cũng gọi là huyễn. Phật và Bát địa chỗ chứng ngang nhau, chỉ Phật là ít lưu lại tập dư thôi.

Biệt giáo chiếu lý tạng, tức lý Đản trung bị hoặc che như mây ngoài trăng, như vàng trong đá... Viên giáo, ngài Kinh Khê nói. “Thế nên Văn-thù...”, đây là chánh dẫn chứng thật tự hành. Cũng nên dẫn cả ba mươi hai người mỗi mỗi tự nói để chứng về môn hóa tha. Nhưng môn không đồng tức là quyền vậy. Các môn không hai, Hóa tha ấy là thật. Cũng có thể ngài Văn-thù vì chứng tự tha, vì có nói năng, nên gọi là Hóa tha. Nói dối không nói gọi là tự hành.

Phương tiện dùng pháp, Chánh nói sử dụng. Nói chung. Càng luận càng không phải thật, một tâm đầy đủ gồm cả Không Trung. Không Trung còn mất cả quyền thật đầu ở Tất-đàn mà hành bốn giáo lợi vật. “Nhưng Anh Lạc...” là giải thích riêng, , Dẫn kinh Anh Lạc nêu tên. Ngài Kinh Khê nói: Chỉ trước kể ba thứ phương tiện trong kinh Anh Lạc, giải nghĩa lại nguyên do của phương tiện, ý nói trong phẩm này Đại sĩ đã dùng các phương tiện khéo léo, đầy đủ như kinh Anh Lạc nói về ba thứ phương tiện khiến chánh pháp trụ thế lâu dài. Phối hợp với kinh này mà giải nghĩa, Xa gần phối giải; ngài Kinh Khê nói: Nói xa gần, là ở ngoài thốt các nơi như nhà mua bán dâm, quán rượu... như thế các việc nay đã lìa xa, nên gọi là xa. Nhìn về các người đến thăm bệnh nói trở về Am viên để Phật ấn chứng là thời gian gấp, nên gọi là gần. Xa gần đều là duyên trợ hóa, tất cả đều khiến Chánh pháp được lâu dài. Nói trụ thế lâu dài, là thấy được Phật tánh. Khuyến cầu thân Phật, tức đoạn kinh sau nói: Nay các nhân giả đây nên chán sợ, hãy ham thích thân Phật.

Tiếp dẫn luận giải thích thành. Ngài Kinh Khê nói: Do đó Trung luận..., tức cùng Trung luận đời sau đại ý của quán pháp đều đồng. Kinh luận xa gần không ngoài ba thứ này.

“Cho nên trước...” là nêu kinh luận để kết. Ngài Kinh Khê nói. Nay dẫn văn kinh tùy phương tiện mà nói đều hàm ý phá lập việc trụ thế lâu dài. Nói giúp Phật, thì việc đại hóa của Phật cũng không ngoài ba nghiệp này.

Dựa vào chỗ dừng của ba nghiệp. Chánh giải thích ba nghiệp. Chính nói ba mật. “Chữ Phật Bồ-tát...” ngài Kinh Khê nói: Tức là tự hành vốn “không” ba nghiệp và mười giới, cho nên không phải một và khác. Vì hóa độ chúng sinh mà lấy ba nghiệp và mười giới để hóa vật. Các dụng như thế người khác không thể lường biết được, nên gọi là mật.

“Tạng, Thông...” là căn cứ tên mà phán giáo. Hai giáo tác ý không phải như bóng của gương, cho nên chỉ nói về thân thông mà không nói về việc ứng hiện. “Biệt Viên...” là Địa trụ trở lên không mưu cầu mà hóa độ thì như gương hiện cảnh vật, như nước hiện trăng, nên gọi là ứng

hiện. Vì hơn hay bao gồm kém nên cũng gọi là thần thông. Tên đầu đồng với hai giáo nhưng thể dụng hoàn toàn khác hẳn. Ngài Kinh Khê nói: Lấy thần thông phẩm trước để chỉ bày phẩm nay, chỗ dùng không giống nhau, cho nên đổi ba nghiệp mà nói phương tiện. “Phẩm này...” là nay luận kinh này. “Ba thứ này...” là kết tên bày nghĩa, có hai: a, Chỉ nghĩa mật. Vô phương lợi vật là cơ thành thực thì ứng không nhất định một phương nào, nên nói vô phương. Chu Dịch nói: “Thần không có phương, Dịch không có thể”. Khổng Dĩnh Đạt giải rằng: Không nhất định hệ thuộc vào một phương nào. Không lường được cội gốc, là chỉ thấy ba nghiệp ra làm mà không lường biết được chứng cứ rốt ráo. Đây là thấy dụng mà không lường được thể, nên lấy không lường để giải thích nghĩa mật, tức như ngài Kinh Khê nói người khác không thể lường biết được nên nói là Mật. Lại ngài Kinh Khê nói: Mật là trong tất cả mỗi giới đều đủ mười. Cho nên không thể lấy một giới mà lường biết, cũng không thể lấy nhiều giới mà lường biết được, nên gọi là mật.

“Cũng gọi...” là kết tên khác. Thánh nhân ba nghiệp đã gọi là Mật, lại dựa vào công dụng mà lập bốn tên khác là: Luân, không lỗi, bất hộ và tùy trí. Dùng tuệ độ người dẹp tan các hoặc, là dụ cho luân. Đã không lầm lỗi nên không cần phòng hộ và ngu hoặc đã hết, nên tùy trí mà làm... “Bối vi...” là kết bày diệu dụng. Đồng ở thất trống. Thất trống là biểu thị cho cõi Tịnh quang. Ngài Kinh Khê nói chính là bày cõi Đồng cư hiện bệnh mà được tên, nên gọi là phẩm Phương Tiện.

Căn cứ quán tâm: Nhất tâm đến ý biết, ngài Kinh Khê nói: Đây chỉ là tướng các căn mới tu ba nghiệp mười giới. Nếu Bát-nhã lập các giáo các quán, thì nguyên ý chỉ là thành cái diệu quán này.

Chọn nói, hỏi. Đáp. Lời giải xưa. Ngài Kinh Khê nói: Đây đủ ba ý mà không như xưa, đâu ngại gì một phẩm là tập hợp kinh. Vì trong các kinh tiếng lúc bấy giờ đều do người kết tập nói nên không dùng. Kế là nhà giải thích, há có Bảo Tích mà không nói là bạch Phật. Ở trước Phật mà kể việc ngài Tịnh Danh bèn chuyên nói Tỳ-da-ly... b, Nay giải thích e là, là biểu thị không phải chấp nhất định, là Đại sư khiêm nhường mà nói thế.

Từ “A-nan... vi thuyết”, đây là một trong bốn nguyện của kinh Báo Ân. Như phần giải thích thông tự đã nói rõ. Đã nguyện nay nhắc lại để nghiệm biết. Lúc đó Phật vì A-nan nói lại phẩm này, cho nên đến khi kết tập liền đọc ra. Ngài Kinh Khê nói: Cho nên biết. Nay hiểu sâu được ý chỉ kinh nói thêm bản nguyện của ngài A-nan cho biết là do đâu mà có.

Vào văn giải thích: Phân khoa nêu ý, “Hình thanh ...” là nêu ý. “Căn cứ phần đầu...” là theo văn giải nghĩa, Nửa phẩm nói về phương tiện lợi ích của hình, có hai: Phân khoa. Tùy giải thích, Khen đức, Nêu trụ xứ và người, có hai: 1+, Giải thích chung. Có đức người lớn, Phong Tục thông nói rằng: Cuối thời Xuân Thu, nước Trịnh có Hiền nhân làm một thiên sách tên Trịnh Trưởng giả, cho rằng: Tuổi già đức lớn, địa vị hơn người do đó gọi là Trưởng giả. Lại làm lợi ích cho cơ nay, tức nghe kể lại việc chê trách thì đều được lợi ích về Viên Đại. Nhân đó công thành, ngài Kinh Khê nói: Xưa ích nay ích, chung riêng đều ích, kẻ bị chê ích, kẻ thuần thực cũng ích, hiện tại hay vị lai cũng ích, Đại hay Tiểu, Thiên hay Viên cũng đều ích, trước sau thâu gồm bệnh nhiếp tất cả. Bệnh là công năng cùng cực nhất của pháp giới.

“Duy-ma...” là giải thích riêng, Giải thích Duy-ma như giải thích trước, ngài Kinh Khê nói: Đây đủ như huyền văn đã nói trong giải thích tên. “Trưởng...”, nay giải thích Trưởng giả, luận bày Bốn tích. “Nay lược...” là khai chương giải nghĩa, Nêu chương.

“Trích văn giải thích...” là văn khen đức. Do đó mà thử phân khoa. Ngài Kinh Khê nói: Pháp Hoa Số giải thích Trưởng giả chia ra bốn nghĩa. Nay cũng đủ bốn: Thế Trưởng giả, là mượn để dụ sự lý. Pháp thân Trưởng giả, là sự lý phù hợp nhau, tên đồng mà lý khác. Quán tâm Trưởng giả, tức là hành tướng của Pháp thân Trưởng giả, cũng là nhân quả của Pháp thân Trưởng giả. Thiếp kinh Trưởng giả tức là thành chứng của nhân quả Trưởng giả. Cũng có thứ lớp hiển bày trong văn kinh.

Hỏi: Đã nói nhân quả, nay tu mười pháp tức được mười pháp của ngài Tịnh Danh chăng?

Đáp: Y kinh mà tu quán đạo lý đều như thế. Ngài Tịnh Danh một đức đủ cả chín, khi tu tất cả các cú dung nhau. Nếu tu một đức còn đủ mười đức, huống tu mười đức mà không đủ mười sao? Chỉ lấy một đức mà nói đầu mối, nên tu mười đức cùng thành một đức. Các đức khác cũng thế mới gọi là cụ đức. Cho nên khi tu thì một cú khắp nhiếp, thì khiến đến quả một đức gồm thâu.

Hỏi: Nếu thế thì mười đức này tức là mười hiệu chăng?

Đáp: Tên khác mà nghĩa hợp. Vì sao, vì từ đạo như thật, nên gọi là tánh quý kham ứng cúng, do đó mà vị cao. Vì khắp biết đâu chẳng phải lợi ích nhiều. Đã đủ cả thông minh tức là có oai thế. Khéo khéo hợp bí tạng, do đó mà trí sâu. Hiểu khắp ba đời thế gian tất do tuổi cao, là bậc trên của hàng sĩ do ba nghiệp thanh tịnh, chúng trượng phu đều khuyết

phục nên là bậc đủ lễ, là hàng thầy trời người, chư Phật mới khen, các bậc trưởng thượng ở thế gian đều quy phục. Cho nên một hiệu này mà đủ cả chín đức.

Hỏi: Ngài Tịnh Danh có phải là Phật quả đức chăng?

Đáp: Từ Bản thì như thế, Tích do nhân hóa ra. Quán tâm mười Đức còn được gọi là quán hành Như Lai. Phát tâm rốt ráo đâu vượt bỏ thứ này.

Tiếp là theo văn giải thích, có bốn:

Thế gian Trưởng giả: Trong văn trước nêu danh, kể vì sao mà giải nghĩa. Quý tộc là dòng Sát-lợi, cũng như ở Trung Quốc là giòng dõi Vương công. Tước vị, vua ra luật rằng: vua ban phước lộc gồm năm bậc là Công, Hầu, Bá, Tử, Nam đây là luật nhà Chu. Bạch Hổ Thông nói: Tước là Hoạch, tức mỗi người đều lường chức sát với tài năng. Nghèo không bố thí tiền của, Lễ Ký Đàn Cung nói: Xưa ở nước Vệ gặp nạn đói lớn. Khổng Tử ăn cháo để cùng cả nước chịu đói là chẳng ban bố ư? Vương Bặc nói: Phàm trả vật nhanh chóng, thì nghĩa không bằng lợi. Nên nay nói không tiền thì đời không trọng. Không được yêu không oai. Sủng là yêu thương, được vua chúa yêu thương trọng nề thì ắt có uy quyền. Văn Tuyển nói Tân An vương sủng ái thì mao quan luôn phiền. Thần trí sáng suốt, như trí của Võ Trọng. Vật tình không kính, tức không chào hỏi kính trọng. Tuổi già, Thiên Nhĩ Nhã nói Kỳ là già lão, tóc bạc trắng. Tư ác, nghĩa là nuôi dưỡng thường thấp kém. Làm việc không tỳ vết, hà tức ngọc có vết. Cầm quyền thuận hậu liêm chính như ngọc không tỳ vết. Kinh Thi nói lời nói ý nghĩa của bậc Quân tử kín đáo như ngọc mà người ngoài đến chiêm ngưỡng quý mến. Thi nói: Người mà vô lễ sao chẳng chết sớm, người mà vô nghi không chết thì làm gì? Người tên không hòa mục tin dùng. Bậc giàu sang là người trên, lỗi quấy đều do mình. Danh không được vang xa, là do không được người trên khen ngợi. Hào quý ca ngâm, tức là được người trên thương yêu tin dùng, nên khen ngợi đức mình. Khúc Lễ nói: “Bạn bè xưng là em, bạn đồng chí khen nhân đức, bạn giao du khen tín thành”. Trịnh chú giải rằng: Liêu hữu là bạn đồng quan, Chấp hữu là bạn đồng chí. Không kể ơn với người dưới. Người dưới tức là dân thường. Tả Truyện nói: “Xem dân như con”. Lại nói: Tử Sản tham chánh một năm thì phu khiêng kiệu khen ngợi, được ba năm thì mọi người đều ca tụng rằng: Ta có con em thì Tử Sản dạy dỗ, ta có ruộng nương thì Tử Sản gieo trồng, Tử Sản chết rồi biết ai thay thế? Lại có thi rằng: Cỏ Bồ chớ cắt chớ nhổ, vì là lều tranh của Triệu Bá. Đây đều là người biết ơn đến hạ dân nên

tôn kính như thế.

Xuất thế Trưởng giả, có hai: a, Nêu ý. b, “Một từ...” là chánh giải thích. Từ sơ phát tâm. Nếu xa thì suy từ đầu, lấy vị tương tự làm phát tâm. Nghĩa như giải thích trước. Nếu gần thì lấy Phần chân, lấy sơ trụ làm Phát tâm. Nay ngài Tịnh Danh vị ở Đẳng giác, nếu tìm phát tâm thì có hai ý: Phát sinh lý tuệ thì đều ước Phần chân, sinh trong Pháp vương chủng tánh diệu lý trung đạo, là Phật chủng tánh. Nay quán lý này mà phát diệu tuệ thì gọi là sinh trong chủng tánh, tức dòng sang quý. Chứng Vô sinh nhẫn, ngài Kinh Khê nói: Chỉ nhường Phật tịch diệt, thì vô sinh là vị cao tốt. Hàng ma chế phục ngoại đạo là tương ứng nói kẻ chế nội giới, ngoại giới. Quyền thật, tức là đồng thể quyền thật. Ký riêng, nên nói là thọ ký Pháp thân, Thích Phạm đều quy kính, người dưới tôn sùng. Vả căn cứ theo gần mà nói. Nếu ước bốn giáo thì được Thiên Thánh kính trọng. Người hiền quy phục. Hay phụ giúp Đức Thích Tôn..., phải nói hay mở mang Phật pháp khắp mười phương bốn cõi. Nói Tịnh độ không hạn cục ở Đồng cư uế độ mà thôi.

Quán tâm, Chánh giải thích. Ngài Kinh Khê nói trong giải thích quán tâm mỗi mỗi đều phụ thuộc vào văn sau trích giải thích để làm quán tưởng. Giáo lý có bằng cớ nên cùng người khác nói quán có khác. Chỉ khác ở quả mà đều gọi là quán tâm. Ái kiến ma ngoại, ái hoặc tức ma, kiến hoặc tức ngoại. Giở chân đến Già-lê, đây là căn cứ sáu tác để nói tu quán. Nói sáu tác, tức là:

1. Hành.
2. Trụ.
3. Tọa.
4. Ngọa.
5. Nói nín, cũng gọi là nói bàn.
6. Tác, tác tức việc làm.

Hai chữ tác đều đọc khứ thanh. Giở chân hạ chân tức là đi. Mặc Tăng-già-lê tức là tác tác. Trong đó lược bỏ bốn, nên nói cho đến. Tất cả đều một tâm, sáu tác tuy khác, nhưng quán tâm đều khác. “Phải ...” là kết khen. “Cho nên Pháp Hoa...” đây là dẫn bài tụng thứ năm văn hiện tại bốn tín, diệt hậu năm phẩm. Bốn tín là:

1. Một niệm tùy hỷ.
2. Lược giải ngôn thú.
3. Rộng vì người khác nói.
4. Tin sâu thì quán thành.

Bài tụng thứ tư này tức là năm phẩm Chánh hạnh lục độ. Nay luận

tu quán ở vị danh tự, dẫn kinh này làm chứng không cần phải chấp vãn làm hại tâm. Nên ngài Kinh Khê nói: Đây dẫn kinh Pháp Hoa chính là quán quán hành bốn vị, quán tâm rõ ràng ở trước tùy hỷ. Phật tử trụ ở địa ấy, tức là chỗ trụ của tu quán hành, tức là Phật thọ dụng... tức là lý diệu quán... cùng Phật không khác. Cho nên chỉ chỗ ở là Phật thọ dụng. Bốn oai nghi vận động đều cùng Phật đồng còn dưới là kết tình hưởng. Nếu chuẩn theo Pháp Hoa còn đồng với Cực quả diệu giác, đâu không được tên Đẳng giác của ngài Tịnh Danh ư? Phật như Trưởng giả, Tịnh Danh như con.

Khen đức, có hai: a, Nêu. b, Cúng ...” là giải thích mười thứ:

Là dòng quý tộc cúng dường chư Phật làm chủng tánh. Ngài Kinh Khê nói: Như cha mẹ ở đời có con cháu, không phải do mình sinh thì đâu có thể cung phụng nuôi dưỡng. Chúng sinh lý đồng nên hay phát tâm. Nếu phát sinh đến pháp phần, là phát lý sinh tuệ chánh ở phần chân. Từ Phật trí sinh ra gọi là thật con Phật nên nói là khẩu sinh. Từ lý pháp sinh nên gọi là Pháp vương tử, nên nói là hóa sinh. Lý trí được từng phần hiển sáng thì gọi là được Phật pháp phần. Ba tuệ hiển lý, do vị hiển viên mà khởi văn tư tu. Được vào sơ trụ cho đến Đẳng giác nên nói là hiển lý. Giải thích thành chủng tánh, là như đứa con hiếu ở đời, còn mất không trái cha còn xem chí, cha mất xem hạnh. Cho nên biết cha mẹ là gốc đức, chân tánh được xem nguồn các thiện. Nương đó mà gieo trồng thiện thiện có gốc. Cùng nương gốc thiện gọi là chân cúng dường. Quán không rốt ráo, trồng giống đại trí. Chủng trên và chủng dưới đều đọc khứ thanh. Năng quán thuộc trí, chân không là cảnh. Đại trí quán cảnh nên gọi là chủng chủng. Từ giải sinh hạnh trí là năng quán, nên gọi là đại giải “hiếu sâu). Theo đây mà lập hạnh, hạnh mới xứng cảnh. Cảnh trí đã ngậm muôn hạnh đầy đủ. Dân Đại phẩm nói rằng: Các pháp tuy không... nhưng trí phải ở không thì hạnh nay mới đầy đủ.

Vị cao. Nghĩa này cũng thông. Ngài Kinh Khê nói la vị thông Địa trên dưới. Nay vị ngài Tịnh Danh thuộc Biệt không phải Thông. Trong Biệt ba vị có bốn có tích, tích là nhân, bốn là quả vậy. Trong nhân lại có hai vị Biệt là tùy các kinh có lập hay không, cho nên còn mất khác nhau. Nếu ở trong đó... mà lập ba phẩm là gồm Thông mà nói. Đẳng giác vẫn còn như vừa mới nói. Không thể lôi kéo, là vì Trung hạ của Tịch nhãn là Tịch quang độ không thể kéo dắt sinh vào quả báo độ.

Đại phú. Công đức ba nghiệp. Ngài Kinh Khê nói: Tức các thứ ba nghiệp trong nhà, nên thuộc tiền cửa. Tổng trì tất cả công đức ý nghiệp vãng đã theo Biệt mà nói, nếu do nẻo Thông mà luận thì chỉ do ý trì giữ

thân khẩu mới dùng lời nói kíp các thứ là do đây vậy. Nói và các thứ khác, tức ngoài ba nghiệp không còn pháp nào khác. Nay nói các thứ khác là nhờ phương tiện giáo từ Biệt mà nói. Nên nói là các thứ khác. Cho nên Viên ba nghiệp gồm trong phương tiện tất cả các pháp như nước lớn bao gồm nhiều nước nhỏ.

Uy báo. Lao oán, ngài Kinh Khê nói rất cực nhọc đối với ngã vậy. ma tức bốn ma, là gồm cả nội ngoại giới. Hay lại ...” là khiến ba đế ba trí không được khai phát. Trung trí không phát gọi là hại mẹ trí độ. Hai trí không phát gọi là hại cha thiện quyền, khiến trợ đạo không thành gọi là hại thân quyền pháp. Chánh hạnh trợ đạo đều bị các ma hại, nên gọi là lao oán. Bồ-tát hàng phục rồi cũng như báo oán. Như thế lẽ có nói: Oán thù cha mẹ đến không đội trời chung, oán thù anh em không cùng ở một nước, oán thù bè bạn chẳng giao hảo binh ma hại quyền thật hai trí, tức Bồ-tát oán thù cha mẹ, hại các thân tộc thiện pháp tức như anh em bè bạn thù nhau. Cho nên dùng binh lực vô úy để hàng phục, nên gọi là báo oán. Chữ oán đọc bình thanh. Luận ngữ nói báo oán thẳng chữ là như kể thiết văn nói là oan. Ngài Kinh Khê nói: Cho nên hại cha mẹ trí độ thiện quyền, tức hại tất cả thiện quyền nội ngoại. Hay lại quyền thật không bằng nội ngoại Thiên ma ngoại đạo. Cho nên người hay hàng phục có sức thì gọi là đại.

Trí sâu. Ngài Kinh Khê nói: Nhập vào thâm pháp môn, tức là giáo môn. Do môn sâu sắc nên là trí thiện. Chính là dùng chữ thiện để khen vậy. Hiểu rõ chỗ đến của tâm chúng sinh, chỗ đến không đồng nên phải dùng quyền. Nay vì giải thích thật, thì thú có hai thứ gần xa khác nhau. Đây đủ như phẩm Thảo Dụ của kinh Pháp Hoa đã Số thích, chung quy là ở không. Ước bảy phương tiện đều có hai thú. Thú xa chỉ một, thú gần nhiều thứ không đồng. Nay từ xa mà nói, nên nói là một. Đây nếu không phải thật sao cần phải lập lại.

Tuổi già. Ngài Kinh Khê nói: Ở lâu bên Phật đạo mà khen tu hành. Câu trên là hai câu trên của tựa. Thấy lý của tựa thì quyết định là Đại thừa. Tuổi già là dụ một câu trên thấy lâu là dụ một câu dưới. Thuần thực, thượng thư nói làm chánh trị chỉ có thuần, Khổng An Quốc nói: thuần túy. Nhĩ Nhã nói thuần là lớn. Phương ngôn nói thuần là tốt. Thực, Thi truyện nói thực là đẹp, là tốt. Kinh gốc hoặc viết là thuần cũng là chuyên nhất, nếu viết chữ “thực) là sai.

Hạnh khiết, có những việc làm. Ngài Kinh Khê nói: Ba nghiệp tùy trí gọi là hay khéo suy lường. Trí tức là Tuệ. Do Tuệ khéo suy lường mà khiến ba nghiệp đều thiện, vì ba thứ tùy trí vậy. Văn sau nói: Trước

thí sau làm, nếu trước làm sau trí thì tuy gọi là giác tức Không giác. Địa trụ các Thánh thấy đều như thế. Trừ Địa trụ tiền và các Tiểu thừa Không nhập quán, nghĩa là đây cùng hạ địa không đồng mà thôi.

Lẽ bị, khen hình tâm. Ngài Kinh Khê nói: Câu trên là hình, câu dưới là tâm. Hàm hoàng, hoàng là lớn. Lại trụ trở đi, thì Tả Truyện có nói: Có uy đáng sợ thì gọi là uy. Có nghi đáng noi theo thì gọi là nghi. Voi chúa học Phật quay đầu nhìn lại, ngài Kinh Khê nói: Lại mượn nghi thức ứng Phật. Người phỏng theo đây chưa ắt hoàn toàn được như thế. Có lời rằng: Đủ tướng hảo của Phật, trước là ước nghi mà thử giải nghĩa oai nghi, đây là ước hình dạng mà giải oai nghi. Nay nói ...” là chánh giải thích. Nghĩa là thường ngậm chí cực, khắp ứng mười giới, nên nói không khởi... Cũng như Chu Dịch nói vắng lặng bất động, Cảm mà bèn thông. Lời nói này tuy gần mà có thể nêu lệ xa.

Tám bất tư nghi là:

1. Dần dần thâm nhập “vào sâu).
2. Sâu khó đến đáy.
3. Đồng một vị mặn.
4. Nước triều không quá mức.
5. Chứa mọi thứ kho báu.
6. Chúng sinh thân lớn sống trong ấy.
7. Không chứa thầy chết.
8. Vạn dòng nước chảy vào không tăng không giảm.

Văn kinh đã đầy đủ lấy tám nghĩa Niết-bàn mà hợp dụ. Nên nói là Phật pháp cũng như thế... nay nói ...” là tâm cũng lớn như biển, cũng đủ tám nghĩa lệ đồng Niết-bàn. Như văn sau nói trong thất này hiện tám thứ chưa từng có, tức là Biển Phật tánh đầy đủ các pháp. Nay văn lại dùng không tăng giảm một. Các dòng nước... là chín đạo thường chảy vào mà Phật giới không tăng, các chủng trí thường chưng nấu mà chúng sinh giới không giảm. Vì chín đạo không dứt tánh thiện, Phật quả không dứt tánh ác, nên không tăng giảm. Nên đầy đủ lấy hai câu mà hợp dụ. Chín đạo luôn chảy vào nhưng do tâm không thu nhận nên không tăng. Chủng trí tuy quán nhưng do tâm không bỏ nên không giảm. Đây là đầy đủ hai sự lý mà giải thích. Ốc tiêu là tên núi hay hút nước biển.

9. Trên khen. Ngài kinh Khê nói: Tư ta là tiếng khen tốt. Đây là mượn việc phàm để biểu thị Thánh nghi. Thiên vương thượng nhân, tức là Thiên vương thiên tử. Vua Ngô Sở tiếm hiệu xưng vương. Trọng Ni chính danh lấy vua nhà Chu làm Thiên vương. Kinh luân thu có nói Thiên vương đi tuần thú ở Hà dương là đó.

10. Dưới đều quy ngưỡng. Chứa cõi Dục cõi Sắc, Đế Thích là chủ Địa thiên ở Dục giới, phạm vương là chủ Tứ thiên thiên ở Sắc giới. Nên hai người này đều gọi chung là thế chủ. Ngài Kinh Khê nói: Đệ tử Thích phạm là nêu hình sắc và y phục giống nhau và là chúa hai cõi. Gồm chung mà nói nên nói chín đạo và bảy phương tiện. Bậc Đẳng giác trở lại đều quy kính.

Tiếp là chính nói về lợi ích của hình, có hai: a, phân khoa. b, theo văn giải thích:

1. Nêu chỗ lợi vật. Ở nước Quảng Nghiêm, ngài Kinh Khê nói: Như bốn giải thích trước đều cần đến đây để hợp với chỗ ở của ngài Tịnh Danh.

2. Chính nói ích vật, Phân khoa xét đoán, Chánh phân khoa. b', Sơ lục ..." là phán xét bốn tích. Đây là từ bốn thù tích. Ngài Kinh Khê nói: Tên lục độ là gần với bốn, cho nên từ bốn sáu thứ mà thù tích sáu thứ. Hai mươi chín câu là lấy ngọn nên nói là tiền của tích.... Sự là ngọn thù sự ngọn này mà nhiếp lấy chúng sinh khiến về với thật.

3. Phân biệt nghĩa trước.

Hỏi: Trong câu hỏi này phải nói vì sao lấy tâm mật là từ bốn mà thù tích, còn thân khẩu là nhân tích mà hiển bốn?

Đáp: "Sáu độ...", ngài Kinh Khê nói: Đây là căn cứ từ lý đối sự mà hỏi. Cho nên sáu độ đầy đủ cũng gọi là thân. Chỗ ý mật thì thân khẩu đầy đủ. Do đó sáu độ sự lý tên đồng mà bốn tích mỗi thứ đều khác. Cho nên văn sau nói: Từ bốn sáu thứ để thù tích sáu thứ. Nếu từ sự nói thân khẩu là chưa đến nguyên mà đồng phạm, trước đồng sau khác mới chỉ rõ bốn. Hóa tài ..." là tùy văn mà giải nghĩa, tâm mật, Chánh giải thích, Bồ thí, Ước giáo giải thích, Bậc lời giải xưa. Ngài Kinh Khê nói: Nếu theo xưa... thì ngài Tịnh Danh không đâu không dùng thế tài mà nhiếp chúng sinh, nhưng nói thẳng thế tài là ý khen không hết, nên ước bốn cõi... từ đây trở đi đều theo lệ như thế. Cho nên nói là có sự lý.

"Nay ..." là nói giải thích ngày nay, Chánh giải thích văn kinh, Nói bốn giáo nhiếp vật, Giải thích của cải vô lượng. "Nhiếp các ..." là nhiếp giữ các dân nghèo, Giải thích sở nhiếp, Nêu kẻ nghèo. Giáo chiếu đều đọc khư thỉnh. Giáo là chỉ dạy, chiếu là bảo, đều đọc bình thanh cũng được. "Bỏ cha..." là bỏ cha thẳng ứng, cầu việc nhỏ cơm áo. Quán vô thường như muối mặn, quán khổ như dấm chua. Sinh Không thô như gạo, pháp Không tế như mì, được tiểu Niết-bàn như tiền công một ngày. "Bồ-tát ba kỳ..." ngài Kinh Khê nói: Tam tạng Bồ-tát trường thời tu sáu độ nên được gọi giàu. Biệt giáo ngang dọc biết Như Lai tàng càng giàu

hơn trước. “Viên giáo...” hiển bày giàu sang. Viên giáo tất cả đều là bí tạng, trong đó giàu tốt bậc. Tuy bốn giáo Bồ-tát đều có tên giàu có, nhưng ba thứ trước thì do còn bị lấy lại nên còn gọi là nghèo. Thế nên chỉ khen là giàu có bậc thượng. Kim cang bảo tạng, là không bị hai biên phá hoại nên gọi là kim cang, gồm nhiếp tam thiên nên gọi là bảo tạng. Lý nó thường trụ nên không khuyết giảm. Cho nên thuần ...” là dẫn Đại kinh làm chứng ba giáo đều nghèo.

“Đại sĩ... “ là hiển bày năng nhiếp. Ngài Kinh Khê nói: Đại sĩ... là nói về bốn. Thường khởi... là nói về tích.

“Do bốn...” là nói quả mãn thì sinh về. Ngài Kinh Khê nói: Lại dựa theo đốn tiệm..., chỉ là nơi tám tướng thành đạo đều cần tám giáo để hiển bày Nhất thừa, chỉ trừ riêng hiển một viên Đại thừa, như Hương tích... “Cho nên biết ...” là dẫn giống mà trách xưa.

Quán tâm mà giải thích: Ngài Kinh Khê nói: Phàm quán tâm trước cần phải sự thí để làm quán cảnh, kế mới quán sự làm thí pháp giới, sau lại vận đại Bi thành hạnh Tịnh độ. Tùy nơi chốn mà có hóa độ, tức là trước làm thí chủ, rồi vì họ mà nhận cõi nước đâu giống người đời tự gọi là cao sâu. Chỉ khiến thí người khác bị dính mắc về thí cho nên biết. Đây... là hiện bắt đầu thiếu sự nhiếp sinh cuối cùng không có cõi ịnh tất phải nguyện học tông. Người nói người làm đều lường xét kỹ, dùng giáo dễ hiểu để khiến làm được việc khó làm. Thánh thường bày quán pháp, Quán tâm nhiếp vật, và nêu chung. Không thấy có xan tham và bố thí. Ngài Kinh Khê nói: Tức khi làm bố thí thì không phải riêng trị xan tham. Thấy xan tham pháp giới mà bố thí. Thí cũng pháp giới mà dùng để nhiếp sinh. Khi nhiếp sinh thì sinh cũng pháp giới. Như thế mà quên mất năng trị sở trị, năng độ sở độ và đều là pháp giới. Như thế mới gọi là không thấy có xan tham và bố thí. Thường thường nói mất cả ba thứ mà bố thí. Quên mất ba thứ nào? Phàm người tu quán chỉ nói không có bố thí mà không cả không xan tham. Dù không có không xan tham mà không cả thí pháp giới. Huống lại còn bị năng lợi vật phá hoại.

“ Nếu là ...” là nêu riêng, chuyển hóa thành quán, Chánh nêu chuyển hóa. Như ở lệnh trưởng, Dư địa chí nói rằng: Tần Thủy Hoàng làm vua thiên hạ đặt ra ba mươi sáu quận, mỗi quận thống lãnh các huyện. Đứng đầu huyện có vạn hộ trở lên thì gọi là lệnh, huyện dưới vạn hộ thì gọi là trưởng.

“Ví như ...” là nêu dụ giải thích thành. “Đó là ...” là sở nhiếp được lợi ích. “Là các ...” là quả mãn sinh đến. “Đây tức ...” là kết khuyên: Người tu nếu thường ba quán nội tu, Từ bi vận động bên ngoài, lý sự

không hai, nội ngoại dung nhau. Phàm như thế thì Đại sĩ Tịnh Danh chính ở trong tâm ta, đâu cần gì phải tìm kiếm xa xôi.

Tiếp nói trì giới, Sự giải thích, Bốn giáo nhiếp vật, có hai: a”, Nêu sở nhiếp: Mười thứ giới tàng, Đại luận nói: Mười giới nhiếp tất cả giới, nên gọi là tàng.

1. Không sút mẻ, tức tánh trọng. Nếu phạm thì như đồ đựng bị rò rỉ sút mẻ.

2. Không bị phá bể, tức trì tăng tàn, nếu phạm như đồ bị bể.

3. Không lủng, tức trì ba dạ đề, nếu phạm như đồ đựng bị nứt lủng.

4. Không tạp loạn, tức trì định cộng. Định giữ tâm, nên dục niệm không khởi thì gọi là không tạp loạn. Bốn phần trên là giới ước luật nghi.

5. Tùy đạo, tức tùy thuận đế lý, hay phá kiến hoặc.

6. Không đấm trước, tức đối với tư hoặc không bị nhiễm trước. Hai phần trên là giới căn cứ chân đế.

7. Trí được khen, Bồ-tát hóa tha được Phật khen ngợi.

8. Tự tại, đối với sự thế gian mà được tự tại. Hai phần trên là giới căn cứ ở tục đế.

9. Tùy định, tức là Tùy-lãng-nghiêm định.

10. Đầy đủ giới trung đạo, gồm nhiếp các giới.

Hủy tùy đạo..., tức là chưa phá kiến tư, tức là hủy giới chân đế, chưa phá trần sa, tức là hủy giới tục đế, chưa phá vô minh, tức là hủy giới trung đế, nên dùng ba đế này mà thứ lớp nhiếp hộ. “Người khác...” là phân biệt năng nhiếp: Ngài Tịnh Danh là bậc Đăng giác, tuy có dư hoặc các việc, nhưng chỉ như làn khói mỏng, nên cũng được gọi là đầy đủ tịnh giới. “Các thứ này ...” là quả mãn sinh đến.

Quán giải, có hai: a, Chánh nói giới độ. b, Nêu lệ cho bốn cõi sau. Văn sau đã tóm lược, nên ở đây nêu lệ: Ba nhãn điều phục bốn khuể nộ. Chưa được bốn nhãn thì gọi là bốn nộ, bốn tấn, năm thiền, sáu tuệ.

“Thế nên...” là kết bày, chỉ bày việc làm sáu độ, tức chỉ bày việc làm sáu độ của bốn giáo.

Thân mật, Nêu việc giáo hóa không nói năng, tức thấy thân là được ích lợi không cần nói năng, nên nói là không nói năng. Tùy giải thích, Hiện đồng bạch y, chính nói nghĩa nay Sự giải thích, Trong nhân nhiếp vật, Nói về tích bốn lợi sinh. Sa-môn đến cần hành là phiên dịch tên. Không đấm trước hai biên, siêng hành trung đạo. Thế nên bậc Diệu giác rất ráo gọi là đại Sa-môn. Luật là suy lường tội nặng nhẹ,

Phong tục Thông có nói: Cao đào mô ngu tạo luật: Luật giảng nói dạy về phép tắc. Thượng thư đại truyện nói: Lớn lao thay đại luật, chú rằng pháp lớn thờ trời, pháp cũng gọi là luật, cho nên tên luật bắt đầu từ thời vua Thuấn. Tỳ-ni là môn học luận giảng về tội nặng nhẹ, như pháp luật ở phương này “Trung Quốc), nên dịch là luật. “Đây không ...” là nói không nói nặng mà giáo hóa. Ngâm chê xuất gia, là hỏi: Niết-bàn Thánh hạnh chỉ khuyên xuất gia, cho nên nói tại gia không giữ luật cũng như lao ngục. Xuất gia rộng rãi cũng như hư không và các kính luật khuyên khen không phải một, vì sao cư sĩ lại ngâm chê xuất gia? Đáp: Nên lấy hai thứ bốn câu để so lường hơn kém mà hiểu rõ ý chỉ này. Bốn câu đầu gồm có:

1. Xuất gia trì giới.
 2. Tại gia trì giới.
 3. Xuất gia phá giới.
 4. Tại gia phá giới.
- Bốn câu kế là:
1. Xuất gia học đại.
 2. Tại gia học đại.
 3. Xuất gia học tiểu.
 4. Tại gia học tiểu.

Nay cư sĩ ở câu hai và bốn mà ngâm chê. Ngâm khuyên. Thánh hạnh thứ hai ngâm khuyên chánh cần, câu đầu chê câu hai, câu bốn cho nên nói như lao ngục. Hoặc lấy câu ba ngâm chê câu bốn, tức như kinh nói: Tỳ-kheo phá giới thì hơn bọn ngoại đạo. Nếu hiểu ý chỉ này, thì một là Đại Tiểu hoặc hiền hoặc mật, hoặc khuyên hoặc chê, các ý ấy thì ở Niết-bàn sơ ký đều đã nói rõ. “Đại kinh ...” trong phẩm Ai Thán là văn Phật chê Tiểu thừa. Đây là phần bốn câu sau lấy hai câu đầu mà chê câu ba. Vì các Tỳ-kheo chính là người xuất gia học Tiểu thừa. Cho nên nay cư sĩ ngâm chê, tuy giống ở bốn câu đầu lấy câu hai mà chê câu ba. Thật ra gồm hợp. Trong bốn câu sau lấy đại chê tiểu. Cho nên dẫn Đại kinh mà giải thích nêu ý đó. “Nhưng nay ...” là tâm nhiệm trước Đại thừa gồm trì luật hạnh gồm nhiếp câu hai và câu bốn. Nên nói chỉ khiến nhiệm tâm lập hạnh Sa-môn. ‘Ngài Tịnh Danh ...’ là quả mãn sinh đến, có hai: a, Chính hiện quả mãn sinh đến. b, Chỉ Phật ...” là gồm nói phù hợp với phẩm trước. Kiến ở phẩm này, kiến tức là hiện.

Quán giải, “hai thứ này ...” là nêu văn sau.

Chỉ nơi ở. Bói chỗ ở, tức bói rùa. Người xưa muốn dời nhà nếu bói tốt thì ở. Ba giới có hai thứ, ngài Kinh Khê nói đó là biến dịch và

phần đoạn. Khai hợp đối bốn cõi, là khai biến, dịch, hợp. Phần đoạn. Khai biến dịch, là ra khỏi hai cõi Hữu dư và quả báo. Hợp phần đoạn, là không phân biệt đồng cư Tịnh ược khác nhau.

Hỏi: Phần đoạn đã hợp sao lại nói hai cõi?

Đáp: Phân chia tuy có hai, nhưng đều là phần đoạn, chỉ luận về đường ác năm trước hữu vô mà phân chia có ược tịnh mà thôi. Biến dịch khai, là do vô minh có đoạn và không đoạn. Chân ứng có không. Tịch quang thấy không có, cần phải phát tâm và không phát... lại có công dụng và không công dụng. Thứ này có nhiều thứ khác nhau nên phân làm hai. Đây và các câu... nghĩa là câu này và các câu dưới đều phải quán tâm. Ngài Kinh Khê nói: Lấy một quán môn gồm thông các thuyết. Song ở trong đây và lấy văn trước mà đọc quán nguồn tâm, giải nghĩa quán tâm không giống các thuyết khác. Văn khác nói quán tâm đều mượn sự gần để nói lý xa, nhân đó gọi là dụng nghĩa. Mượn số mà luận hạnh, từ người mà hiển pháp, căn cứ pháp mà thông trí. Nay bèn nói sự quán thông theo đọc. Thế nên phẩm này căn cứ sự. Ngài Tịnh Danh ngầm khen đàn hậu tấn học quán môn này tự hành khuyến tha, gia thêm nguyện mà lợi vật. Quyền thật song dụng, trông vào quả mà làm nhân thì ta tức là Tịnh Danh, cần gì phải tìm đâu xa. Cho nên đều mượn hình thức bạch y “cư sĩ” mà công tư văn võ đều xem là bậc cao. Tuy tạm nhờ nhưng phải biết Bồ-tát phát tâm là đó, đâu cần phải chọn trắng đen. Cho nên hành giáo là Đại sĩ chân quán hành. Do đó mà cả bốn chúng đều khâm kính, mong muốn được bằng ngài để làm khuôn phép. Song luận Bồ-tát tuy lý thuận khắp bốn chúng xuất gia, nhưng ở nghĩa tục thì trái. Cho nên hiện dòng tục, lập phép hành trì, đầy đủ các đức, là bậc cao quý trong tất cả, bài bác để dẫn dắt kẻ mới học, biện tài vô tận là muốn khiến người đời sau đều quy ngưỡng.

Thị hiện có vợ con: Lìa bốn ái trước, tức pháp ái bốn giáo còn cần phải buông bỏ, huống là vợ con trong sự.

Thị hiện có quyến thuộc.

Hiện đồng phục sức: Thường dùng bốn nhẫn để tu tướng tốt, ngài Kinh Khê nói: Ý này như trước nói Tịnh độ thì tướng tốt sinh về, cho nên lập môn này để vờ bốn cõi.

Hiện đồng ăn uống: Mỗi người đều tám thiền duyệt, tức bốn như ý túc và định căn, định lực, định giác và chánh định là tám.

Hiện bác dịch (cờ bạc). Bác là đẳng giải nghĩa tên.

Thế bản có nói: Ô tào đồ bác. Thuyết văn nói bác là trò chơi đánh cuộc “có sáu trước mười hai ky). Phương ngôn nói tự mình làm chủ.

Trong thời Tề Lỗ đều gọi cờ vây là dịch . Luận ngữ nói không có cờ bạc, là đó. Lời sớ nói cờ bạc là việc lừa gạt. Trung Tử nói: Cờ bạc chơi bởi. Dạy khiến không đấm trước, ngài Kinh Khê nói: Phàm bày nghi lễ tục đều hiện chí bền chắc. Đời lấy hỗn tạp hòa hợp hạnh xấu để dụ dỗ nhau. Tịnh Danh là bậc thâm hậu nên chưa thể được.

Vô ký, là trong bốn vô ký tức khéo léo, nên luận nói: Dị thực, oai nghi, lộ công xảo xứ, thông giới đều làm cả, hình như thuộc vô ký. Nhân đó được vật, hướng bị hãm ở thiên đầu. Hướng lại đường đê nhất định là không cứu được Tịnh Danh bày ra việc đó là ý kiến không làm. Nay không hiểu, trái lại muốn bắt chước, bên trong tán loạn và kiêu mạn. Toàn là theo tham kết mà không nghĩ đến quả báo ở đời sau. Cây nhờ dẫu Thánh mà uống công xuất thế. Còn ngại nghiệp đời đâu thể xuất thế được. Lưu Nghĩa Khánh trong thế Thuyết Tân Thư nói quan thái úy Đào Khản, đời Tấn bảo người rằng: Thánh nhân tiếc từng tác bóng, mọi người phải tiếc từng phân bóng, các quan tham tá vì ham chơi mà bỏ việc, lại lấy bàn cờ mà ném xuống sông. Ngô Chí nói: “Thái Dĩnh ở Đông cung tánh thích cờ bạc, thái tử Hòa xem đó là vô ích, sai vĩ diệu luận việc ấy. Nên Bác Dịch luận nói rằng: Người đời nay phần đông không thích kinh thuật chỉ ưa cờ bạc, bỏ phế sự nghiệp quên ăn bỏ ngủ. Lại nói, giả sử khiến kẻ sĩ ở đời đem sức ham cờ bạc mà dùng cho thi thư tất là có chí của nhan mẫn. Nếu đem dùng cho suy tính tất là có các người lo yên bình, nếu đem dùng cho tiền của tất có kẻ giàu nhanh chóng. Nếu dùng cho cung nỏ tất đủ tướng văn võ. Như kẻ cờ bạc này mà lập công danh thì hèn kém thô lậu càng xa! Đây đều là ý khuyên sâu sắc của các người hiền xưa. Ở tục còn thế hướng là xuất gia đâu làm thế ư? Đến như có kẻ đem cờ bạc cả y bát, thân gửi vào hình danh, đây đều là kẻ hạ ngu còn luận gì mất nghiệp. Nên Tăng Sĩ Lược có nói: Làm Sư tăng dù chưa tu hành chỉ hay tránh được các hình pháp thì cũng là bậc Cao sĩ tiêu dao, lời phải không nghe khác nào cầm thú. Ngài Tịnh Danh độ người do chỉ lỗi người. Ta trình bày đạo ngài nên được lời cùng cực. Phàm người mê cờ bạc hễ vào cuộc thì tranh nhau, hỗn mê thân môi, việc đời bỏ mặc chẳng tu tỉnh, khách khứa lánh mặt chẳng tiếp đầu rãnh rang mà thưa hỏi học đạo ư? Cho nên Đại sĩ xem thấy ai có cơ thì liền nói pháp. Triệu Sư nói: Nhân chơi bởi mà dứt chơi bởi.

Hiện đạo khác: vì để điều phục vật, nên bộ Đàm-vô-đức cho Tỳ-kheo trong mười hai giờ được một giờ học ngoại điển là để hàng phục ngoại đạo vậy. Tỳ-nại-da nói: Ngày phân làm ba buổi, buổi sau cho học. Hướng nay cư sĩ vốn chúng tại gia. Đời nay Tỳ-kheo quên gốc theo

ngon, hình giống Sa-môn mà tâm trái với Phật học. Đại pháp sắp mất mà đám học trò lại bị trói buộc. Đã từng tuyển soạn sư hàn một thiên, để làm phép tắc cho kẻ hậu học. Nên ngài Kinh Khê nói Tiểu thừa chế phục ngoại đạo hơi thông một lúc. Đại thừa nêu tông chế luật cho kẻ sơ tâm ngại nhập vào diệu đạo nên chẳng khiến làm. Năm Địa Bồ-tát mới tu thế nghiệp là đoạn dứt Phật chủng, chướng nhân duyên đạo. Khiến người xuất gia tâm giới, định, tuệ một chút chẳng tu, mà nói là hàng phục ngoại đạo, nghĩa thật ngược đời, đăm nhiệm dịch lưu đạo pháp khó nhờ cậy, thêm lớn kiêu mạn, trái ngược kinh tông. Thật đáng thương thay, thật đáng lằm thay. Huống là ngôi viện thường trụ mà mê y tín thí, cơm ngon nhiều bữa, đi đất già lam mà ba nghiệp theo tục, oai nghi toàn mê. Nếu muốn bắt chước thì phải nghĩ đến mười đức dù chưa tương tự thì quán hành thế nào? Đại tập nói như Phú-lâu-na quyển hạ Bảo Tráp cũng nói việc này. Như phần cuối quyển sáu bộ phụ hành cũng có dẫn.

Học sách đời, ở Trung Quốc thế điển là ngũ kinh... Kinh thi có nói: Điển truyện của Văn Vương có nói: Điển là pháp tức giáo pháp. Thích danh nói kinh là đường tắt, điển là pháp thường. Nói như đường tắt thì không nơi nào không thông, có thể thường dùng vậy. Ngũ kinh, Bạch Hổ Thông nói đó là dịch, thượng thư, thi, lễ, nhạc. Xưa kể cả Xuân Thu là sáu kinh. Đến đời Tần đốt sách, thì kinh nhạc mất, nay lấy dịch, thư, thi, lễ, xuân thu làm ngũ kinh. Lại lễ có chu lễ, nghi lễ, lễ ký là ba lễ. Còn Xuân thu thì có tả thị, công dương và cốc lương ba truyện, cùng dịch, thư, thi thì tính ra có chín kinh. Nay nói... thì... là lấy sáu và chín. Lại luận chung về thế điển “sách đời) thì phải dùng bốn loại gồm thâu, đó là kinh, sử, tử, tập. Đường thư nói: Tập hiền viện bốn kho sách gồm chung có tám vạn chín ngàn quyển là đó. Kinh thì như vừa nói. Sử tức là Từ Mã thiên, Ban cố cho đến lịch đại quốc sử. Tử, tức như Lão trang văn liệt. Sách của bách gia chư tử. Tập là biên khảo để lại của các bậc hiền xưa. Nay chỉ nêu các kinh... là lấy ba thứ khác, “nên nói... Tây độ ...” là bốn bộ Vi-đà như phân giải thích thông tự có ghi, mười tám Đại kinh đều là sách ngoại đạo, mà hay dùng lá vàng... là như phẩm Anh Nhi hạnh trong Đại kinh, như cha mẹ muốn ngăn bé khóc, nên lấy lá vàng làm vàng để dụ cho khác thường. Nhân thiên thật ra đều là vô thường. Như Lai nói trời Tam thập tam là thường, là muốn khiến phàm phu lìa bỏ khổ ba nẻo như ngăn khóc. Nay ngài Tịnh Danh nói thế điển là để dạy dỗ người. Ý đó cũng thế. Bỏ độc vào sữa, cũng là dụ trong Đại kinh. Nay lấy thế điển như sữa, thường ưa Phật pháp như bỏ chất độc.

Vì ưa Phật pháp nên tuy dẫn Thế điển nhưng ý cũng còn Đại thừa. Nên khiến ở vị lai nhập vào pháp môn Bất tư nghi, như chất độc phát tiết giết người. Ngài Kinh Khê nói: Ở lý trung điểm sau tất giết người.

Khẩu mật, có hai: a, Nêu bày. b, Tùy giải thích, Thấy kính cúng dường. Trong văn có hai ý: Căn cứ Tịnh Danh kính người khác. Căn cứ người khác kính ngài Tịnh Danh.

Phàm nói Khuyết chi lưu e lằm, phải nói là hạ lưu. Khuyết là kỳ: Cái ấy. “Thông quán ...” mười chín câu, ngài Kinh Khê nói mười chín câu sau đều khiến sinh cung kính mà được lợi ích sau cùng. Nếu tùy câu mà nêu thì đều khiến thành. Chuẩn theo ý trong đây thì thấy cung kính là hơn hết. Văn trước trong câu bạch y hai việc gồm chung: 1. Tổng quan, có hai mươi chín câu, mỗi câu đều có ghi (=) tuy là bạch y nhưng trì luật đầy đủ. 2. Ở chín câu trước thì đầu, thân miệng là riêng.

Thị hiện giữ chánh pháp. Nắm giữ phép nước, Triệu Sư nói rằng: Ở ngoại quốc các bộ luật đều lập ba trưởng lão, người có đức sẽ nắm giữ luật nước để phán quyết các việc tranh tụng của cả già trẻ trong thôn xóm. Ngài Tịnh Danh hiện cầm giữ pháp tục mà lại thông suốt đạo pháp. Nay sư nói nắm giữ phép nước, thì Triệu Sư nói: Phán quyết việc tranh tụng trong thôn xóm, thì cao thấp có khác nhau chút ít. Phương này đời Hán trong mỗi thôn xóm đều lập ba vị trưởng lão.

Thị hiện được lợi tục: Trong văn trước dựa vào việc lợi ích thế gian mà giải thích. Kế, từ “lại nữa...” , là nêu pháp môn mà giải thích. “Tích đồng phàm tục...” , Triệu Sư nói: Pháp thân của Đại sĩ là cả sỏi đá đều là châu ngọc, nếu thế thì đối với người không quý bằng ban bố ân huệ. Cho nên lý đồng cầu lợi há không vui mừng khi có được ư? Kinh nói giai ngẫu, Nhĩ Nhã nói giai là hài hòa, hòa hợp, ngẫu là hội hợp.

Thị hiện việc đạo qua ngã tư đường. Nhĩ Nhã nói: Đường thông bốn ngã thì gọi là ngã tư (cù). Quách Phác nói là ngã tư đường đi bốn hướng. Liệt Tử nói: Người đạo chơi thì nhìn ngắm những gì thấy được, còn ta đạo chơi thì ngắm nhìn những gì biến đổi há Pháp thân Đại sĩ đạo chơi mà không biểu thị điều gì ư?

Thị hiện làm chánh trị: Triệu sư nói: Trị chánh pháp luật là việc quan. Đạo dùng chánh pháp khiến dân không làm sai. Nay giải thích không phải thế. Các tướng soái cùng liên kết khiến các trưởng lo việc trị an gọi là pháp chính trị. Cho nên dùng lễ hình mà giải thích, không phải căn cứ ở luật quan. Dùng lễ dùng hình, Luận ngữ nói: Nước Tề dùng hình phạt, dân khỏi tội rồi không thẹn. Nước Tề dùng lễ thì dân biết xấu hổ và đổi mới. Song hễ dân khinh nhờn thì dùng hình phạt, hễ

dân thuần hậu thì dùng lễ. Gia ngữ nói: Phong chức tước cho người thì ở giữa triều cùng mọi người mà chung vui, hình phạt người thì ở giữa chợ thì cùng mọi người giết bỏ. Lễ ký nói: Lễ thì nhân tình người mà làm tiết văn để phòng hộ cho người. Thượng thư phủ hình nói: Hình phạt ở đời, tùy tội nặng nhẹ chỉ cần công bằng, có luân thường cốt yếu hay không. Khổng An Quốc truyện nói: Hình phạt tùy đời có nặng nhẹ. Nếu nước mới lập thì dùng luật nhẹ, nếu nước loạn thì dùng luật nặng, hình phạt lúc nước bình thường thì dùng luật trung bình. Phạm hình phạt có công bằng hay không mỗi thứ đều có luân lý, có hướng thiện. Nhạc ký nói: Lễ thì chí ở nơi đạo đức, nhạc thì tiếng phải hòa, chánh là thống nhất hành động, hình thì để phòng ngừa gian tà. Lễ nhạc hình chánh cuối cùng vẫn là một. Do đó mà lấy chỗ đồng tâm của dân mà ra trị đạo. Hoàng Phạm Thế Yếu luận rằng: Đức nhiều hình phạt ít là đời ngũ đế, hình đức ngang nhau là đời tam hoàng, hình nhiều đức ít là đời ngũ bá. Thuần dùng hình phạt mà mất nước là nước Tần. Phương tiện cho thu là khinh nhờn thì thu lễ mà cho hình phạt, dân hòa thì thu hình phạt mà cho lễ. Lễ hình đúng lúc khoan dung dữ dần giúp nhau quanh co đối trá như thế, nên nói phương tiện ban cho và cướp lại. Nên Trọng Ni có nói chánh trị mà khoan dung thì dân khinh nhờn. Khinh nhờn thì phải hợp với dữ dần. Dữ dần thì dân tàn, dân tàn thì dùng khoan dung mà ban cho. Khoan thì dữ dần mà giúp. Dữ dần thì lấy khoan giúp. Chánh trị là giữ cho yên hòa. Ngài Kinh Khê trong giải thích cũ nói: Dùng lễ mà ban cho, dùng hình mà thu lại. Lại làm lễ hình thì mỗi thứ đều có ban cho và thu lại. Lễ thì cướp của tiểu nhân mà ban cho quân tử, hình thì cướp ở trọng tội mà ban cho lỗi nhỏ. Cho nên nay tục quan đều có đại quyền để giúp hành sự. Không phải là bỏ đạo, tức nói ngài Tịnh Danh không phải đích thân nắm quyền mà khéo dùng lễ hình. Lại khuyên răn ở vị lai bọn người nương nhờ dấu Thánh mà bỏ đạo. Vừa giải thích cậy nhờ ban cho và cướp lại. Ngài Kinh Khê đã thành ba nghĩa đều chí lý và rất tinh tường.

Thị hiện việc vào chỗ giảng luận: Ở Thiên Trúc có rất nhiều dị đạo, ai cũng nói mình hơn. Cho nên ở trong nước có lập riêng một nhà luận giảng để luận chỗ hơn kém. Ai muốn nói đạo mình thì giống trống tập hợp mọi người đến nhà ấy. Ai luận hơn thì làm thầy, ai thua thì làm trò. Ngài Tịnh Danh đã lên ngôi nhà này để nhiếp phục ngoại đạo. Sau mới dùng Đại thừa dắt dẫn mà làm thầy. Nay nói tích nhập phạm tiểu. Nghĩa là không phải vào chỗ phạm phu ngoại đạo giảng luận, mà cũng vào chỗ giảng luận của Tiểu thừa dùng Đại thừa để dắt dẫn. Như việc

chê trách Mục-liên, Mãn nguyệt, Chiên-diên đều là việc này.

Thị hiện việc vào học đường. Nói học đường, cũng như ở phương này có quốc học hương hiệu “trường quốc học ở thôn quê). Lễ ký nói: Thời xưa các vua lập nước nuôi dân dạy học làm đầu.

Thị hiện việc đạo nhà bán dâm. Ngài La-thập nói: Ở ngoại quốc có một cô gái thân thể sắc vàng, có một cậu con trưởng giả tên là Đạt-mộ-đa-la đem ngàn lượng vàng rủ nàng cùng vào vườn Trúc. Ngài Văn-thù-sư-lợi ở giữa đường biến thân làm người bạch y, mặc áo quý giá rất đẹp. Cô gái thấy thì tâm tham nổi lên. Ngài Văn-thù bảo cô gái: Nàng muốn được áo này thì phải phát tâm Bồ-đề. Cô gái hỏi: Thế nào là tâm Bồ-đề? Ngài bảo: Là thân cô đó. Cô gái hỏi: Là sao? Ngài đáp: Bồ-đề tánh không, thân cô cũng không, nên nó là Bồ-đề. Cô gái này đã từng ở trước Phật Ca-diếp gieo trồng gốc thiện, tu trí tuệ. Khi nghe nói thế liền được Vô sinh pháp nhãn. Được pháp nhãn rồi, nàng muốn chỉ rõ lỗi dâm dục, bèn trở về cùng con ông trưởng giả vào vườn Trúc. Khi vào vườn trúc cô gái liền hiện thân chết sinh chương rã thú. Con ông trưởng giả thấy thế rất kinh hãi, liền đến chỗ Phật, nghe Phật nói pháp cũng được pháp nhãn. Việc bày lỗi dâm dục có lợi ích như thế. Triệu sư nói: Ở ngoại quốc các gái mại dâm ở riêng một xóm, người sang trọng không thèm liếc mắt nhìn. Mà Đại sĩ lại hiện thân đến tham dự rồi sau mới chỉ rõ lỗi ấy. Chín lỗ là hai lỗ mắt, hai tai, hai mũi, miệng và hai đường tiểu tiện, chín nơi này thường tiết ra chất bất tịnh, có gì mà ham thích. Bốn thiện căn phát sinh, là cơ bốn giáo thuần thực. Nếu tham ...” là pháp bốn giáo khởi ái trước. Cho nên văn sau trở đi, câu trên là chứng minh vào nhà bán dâm, câu dưới là chứng tỏ bày lỗi dâm dục. Trước dùng móc dục lôi kéo, tức dục cảnh như câu móc hay lôi kéo người tu.

Thị hiện việc vào quán rượu. Tứ là bày ra, tức bày rượu ra. Chu lễ ty nắm việc bày biện các vật ở chợ. Trịnh Huyền nói: Tứ tức là chỗ bày vật, mọi vật bày biện khác nhau. Ba mươi sáu lỗi, Đại luận có nói ba mươi lăm lỗi, dẫn đủ thì rườm nay xin tóm tắt bằng bài tụng:

*Phí tiền, bệnh, tranh cãi
Lỗ lỗ, người không kính
Ngu si, được liền mất
Lộ mật, bỏ sự nghiệp,
Tĩnh then, thân yếu ớt
Thân tàn, khinh cha mẹ
Không kính bậc Sa-môn
Cho đến Bà-la-môn,*

*Tam bảo và Hiền thiện
 Xa hiền, theo bạn ác
 Phá giới, không xấu hổ
 Bê bối, không đoan chánh,
 Người ghét, bà con đuổi
 Làm ác, bỏ pháp thiện
 Bạn, khách không tin dụng
 Lánh xa cõi Niết-bàn,
 Nhân điên, đọa đường ác
 Bị người ngu dối gạt
 Lỗi có ba mươi lăm
 Trí luận đã nói rõ.*

Tiêm sư nói: Kinh Sa-di-ni nói uống rượu có ba mươi sáu lỗi. Thượng thư tửu cáo có nói: Đi đến các nước lớn nhỏ đều bị chê bai, chết chóc đều do rượu. Rượu chỉ gây tội. Truyện nói: Nước lớn nước nhỏ mất đi đều do rượu gây nên. Hôn thân loạn đạo tức tâm thần tối tăm làm loạn chánh đạo. Lại nữa, rượu là phiền não..., ngài Kinh Khê nói: Chuẩn theo câu này là nghĩa tu quán tâm. Văn trước các câu cũng phải y theo đó. Như An lạc hạnh có mười thứ nào loạn còn làm quán tâm nhưng không bằng giải thích trước về hóa tài... có văn tướng đầy đủ, khuyên gắng cả đạo tục khiến thành chân thật hạnh của ngài Tịnh Danh.

Thị hiện thân Trưởng giả: Trong văn có hai: a, Nêu ý chung. Khen đức tôn quý, tức là mười một đoạn này. Riêng nêu tôn quý, thì Triệu sư nói: Phàm người dễ theo uy ất khó theo lý, cho nên Đại sĩ mỗi chỗ tôn quý đều dùng phong tục lớn mà giáo hóa. Nên nay nói đức là khuôn phép cho người. b, “Nói trưởng ...” là chánh giải thích văn hương lư thương kính, cứ một vạn hai ngàn năm trăm nhà là một hương “làng”. Lư là cổng làng. Ngài La-thập nói: Trưởng giả như nay là hàng giàu có của bốn dòng họ.

Thị hiện làm cư sĩ: Đây là bậc đức độ cao quý, nghĩa là đức hạnh trong trắng. Nay nói ...” là theo ngoại quốc mà giải nghĩa cư sĩ. Vì kinh nói đoạn hết tham đắm, cho nên biết không phải là đức trong sạch. Nói bốn pháp đàn, là bố thí của bốn giáo.

Thị hiện ở dòng Sát-lợi: Sát-lợi, Hán dịch là Điền chủ. Triệu sư nói: Sát-lợi là dòng vua, Tần dịch là Điền chủ. Ở kiếp sơ người ăn vị đất, rồi chuyển sang ăn gạo lúa tự nhiên. Sau tình người dần dối trá, mỗi người có đất cát trồng trọt riêng, bèn lập người có đức phân chia ruộng đất công bang. Đây là vị vua đầu tiên. Nên lấy đó làm tên.

Thị hiện ở dòng tịnh hạnh: (Bà-la-môn). Mỗi người nên có tâm lìa ngã. Bốn giáo lìa ngã, như đã giải thích trong “ngã văn”.

Thị hiện làm đại thần, mỗi người đều có quyền hành, cũng như ở phương này có tam công, cửu khanh quyền hành có khác. Dùng sáng suốt mà chỉ bày. Vì họ mà nói đạo giảng kinh và các việc lễ hình. Hạng người này tiến thì nghĩ việc tận trung, thối thì nghĩ việc dạy dỗ. Sau đó để thuận điều tốt đẹp để cứu khỏi ác nên nói chỉ dạy điều sáng suốt, nên ở trong chánh pháp này mà thuận bốn căn tánh chỉ điểm lý vô sinh diệt.

Thị hiện làm vương tử. Minh đạt Hiếu kính, hiếu kính có nói: Học việc thờ cha đem thờ mẹ mà thương đồng. Học việc thờ cha đem thờ vua mà kính đồng. Ngài Tịnh Danh thường nói hiếu kính nên được tôn quý.

Thị hiện làm nội quan. Cung nữ, nếu chuẩn theo phương này (Trung Quốc) thì như chu lễ nói: Thiên tử lập hoàng hậu có sáu cung, ba phu nhân, chín tần là hai mươi bảy thế phụ, tám mươi mốt ngự thê. Trịnh chú rằng: Một cung trước, năm cung sau. Về năm cung sau thì hoàng hậu là một cung, ba phu nhân một cung, chín tần một cung, hai mươi bảy thế phụ là một cung, tám mươi mốt ngự thê một cung. Hoàng hậu ở chánh vị cung vì có hình thức đồng như của vua. Phu nhân thì ngồi mà nói chuyện với vua, thế phụ thì phải lạy. Chín tần, nắm dạy bốn đức, thế phụ biết việc tang tế tiếp tần. Nữ ngự lo việc ăn ngủ cho vua. Nhà Hán chế hậu cung gồm mười bốn bậc tức Chiêu nghi, Tiệp dư hĩnh nga dung, Hoa mỹ nhân, Bát tử sung y, Thất tử lương nhân, Trưởng sử, Thiếu sử, Ngũ quan, Thuận thường vô thanh. Đây là mười bốn bậc... Ban cố trong Tây Đô phú có nói: Hiệu hậu cung có mười bốn vị, bởi gọi như thế. Trong sinh tà ý, Triệu sư nói là ủy mị trau chuốt tình chất nữ tính, nên làm mờ tối chánh trực. Bốn thứ bát đạo, là bát chánh đạo của bốn giáo.

Thị hiện làm thứ nhân. Thứ là chúng, là chúng nhân trong thiên hạ.

Thị hiện làm Phạm thiên, là ba trời Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên. Mỗi mỗi có ba tầng trời, Tứ thiên có chín tầng trời đều lìa dục nhiễm mà được chung tên Phạm. Dùng thẳng tuệ dạy bảo. Ngài Kinh Khê nói như chi thiên quán là tuệ thì không phải thẳng Phạm cũng được chứ không cần phải bậc tôn quý. Cho nên bày ra bốn thứ thẳng tuệ xuất thế. Tịnh thiên quán... và Vô cấu thiên, Thông minh đặc thẳng đối căn bản, tu mà không đắm trước.

Thị hiện làm Đế Thích. Mười lăm quán môn đối đãi kiểm xét lập thứ tự. Biệt giáo kim cương trở lại đều là vô thường, ngài Kinh Khê nói: Đây là chấp của họ. Nay nhân phán xét khiến thuộc Biệt giáo. Lại Phạm vương bảo thường hơn Đế Thích, tự bảo là cha mẹ chúng sinh cho nên nay phạm không lấy vô thường để trị, tức các phạm đã được thâm căn bản thiện. Chỉ vì thắng tuệ đoạt lấy hữu lậu. Sát-lợi Bà-la-môn... đều chung được bảo thường. Đây cũng bỏ thông mà theo Biệt, mỗi thứ đều riêng nói là do đây. Lại còn cũng muốn bày các thứ giáo môn không đồng khiến đều biết hết, nên mỗi mỗi đều nói.

Thị hiện làm bốn vương: Mỗi vị đều cai quản hai bộ quỷ thần. Chúa phương Đông thì cai quản Càn-thát-bà Tỳ-xá-xà. Chúa phương Nam thì cai quản Cưu-bàn-trà Miệt-lệ-đa. Chúa phương Tây thì cai quản độc long Phú-đơn-na. Chúa phương Bắc thì cai quản Dạ-xoa La-sát. Trên mỗi mỗi việc, dưới gồm chung nêu bày. Ba mươi lăm việc trên đều là phò giúp thành Phật quốc. Người giảng nói nên biết ý đó.

Tiếp là phần kết:

Tám phẩm rưỡi nói về lợi ích phương tiện của tiếng, có hai: a, Nêu ý phân khoa, có hai: a', Nêu ý, có hai: a", Nêu chung. Trừ tội cấu cho mọi người. Ngài Kinh Khê nói tên tội cấu cần phải thông bốn giáo hoặc hai thứ duyên tập. Cho nên trong một bộ giáo môn nay, rộng lược chiếu nhau xem thế nghĩa mà giải thích. Nên hợp rộng, là không do lời lược mà khiến nghĩa hòa lẫn vào nhau. Cho nên khi thấy tóm chung thì nên dùng rộng mà phân biệt. Hoặc nếu thấy văn riêng rẽ thì nên dùng chung mà gồm nhiếp. Do đó hoặc thể Không hai, trí không phải do ai khác mà thành. Từ một khai thành các thứ, từ các thứ quy về một. Thấy hợp cũng không ít lại, lia gốc cũng chẳng phân chia thân, độ, hoặc. Trí tất cả đều như thế. Cho nên đây dẹp trừ kiến cấu làm nhân bốn cõi (cõi), đâu chỉ nói thẳng nội giới mà thôi.

Nêu ý riêng, nêu chương: Khởi đầu phẩm Thăm Bệnh. Ngài Kinh Khê nói: Hỏi: Trong thất có sáu phẩm, vì sao chỉ nói khởi đầu việc thăm bệnh ư? Đáp: Trong thất, các kiến hoặc của sáu phẩm đều nhân bệnh sinh ra. Chỉ cần nêu tên thăm bệnh thì tự gồm nhiếp cả năm phẩm kia. “Sơ ý...” là chánh giải thích:

Mượn lời nói chê trách họ để tiện khuyên răn. Ngài Kinh Khê nói: như nói thân này vô thường... mượn thân mình bệnh để chê họ chấp thường, lấy lời chê trách để răn khuyên quán pháp thân. Ấy là một nghĩa chê mà bao gồm răn khuyên. Huống sau răn lại khuyên quán. Nên nói nhập bất tư nghì giải thoát. Văn thiếu chữ bất. Tức xa thì dẫn nhập

vào bất tư nghì, gần thì làm nhân cho hai cõi. Sinh đồng cư, hữu dư... ngài Kinh Khê nói: Vì đoạn hữu vi có hết và chưa hết thì đều là kiến. Kiến là nhân xa để chứng giải thoát, nhưng làm mất hạnh gần của Đại sĩ, đâu dám nói ngay. Ngài Kinh Khê nói: Tội xưa thẹn nay tình ẩn sợ sệt. Ai lại chẳng nói ngay việc bị khuyết phục xưa nay được sai bảo sợ e phải chịu nhục phen nữa. Tuy hết lòng kính ngưỡng nhưng lại thành bị nhục. Đối trước Phật kể lỗi thặng tu có lần bị chê trách. Nên xưng bản mà nói ra gồm cả hóa đạo. Ấy thì chủ khách và thầy trò đều được lợi quyền thật. Ham Tiểu chấp Tiểu, ham Tiểu tức là Tiểu thừa phương tiện, chấp tiểu tức là Tiểu thừa thấy có quả có người. Ngưỡng mộ Đại thừa tức là biết có Đại thừa mà khởi thấy kính phục. Lúc đó ắt có thể phát đại tâm. Thấu biết đã là lương duyên. Nếu không chê trách thì không kham việc gạn lọc, hướng là hai vị làm nhân thấy đề hồ. Được ký bỏ sinh tử ắt chiêu lấy quả báo. Khấp khiến ba giáo... ngài Kinh Khê nói: Tuy có ba giáo, nhưng chánh ý dùng Viên mà chê trách các Bồ-tát, Bồ-tát không trụ Đại, chỉ thấy kiến đồng Tiểu thừa là người Tạng, Thông tức lấy Biệt mà bác cái chấp phương tiện. Ở trong Phương đẳng, người lợi căn thì nhập thật, kẻ độn thì vẫn chưa. Cho nên biết trong đây chia ba mà nói Thông, hoặc chỉ vào Thông vào Biệt mà thôi. Đến hội Pháp Hoa thì các kiến đều quy về. Song chánh ý của kinh là nhập thật, lấy dụng chân tánh làm thể, lấy bốn cõi làm tông vậy. Trong đây lại từ đối cực để nói. Ba thứ này ..." là kết bày bốn ý này, ngài Kinh Khê nói đầy đủ như văn trước đã nêu giải thích là đó. Lại gồm bốn ý trước. Lại có bốn thứ khác:

1. Sai được ngài Văn-thù.
2. Ngài Văn-thù luận đạo.
3. Thanh văn tự tử thẹn.
4. Bồ-tát ra làm.

Cho nên biết hai ý trước là thành hai ý sau, hai ý sau lại có xa gần hai ý. Gần xa lại có hai; a, Chung. b, Riêng. Sở dĩ nói chung là xa gần mỗi thứ đều có xa gần. Thanh văn hai thứ là xa thì thành rốt ráo, gần thì nhập thực tột. Bồ-tát hai thứ là độn thì đồng với Nhị thừa, thấy kiến thì có thừa, lợi căn thì ngộ ở tức. Nói riêng, là Thanh văn thì được lợi ích xa, Bồ-tát thì được lợi gần. Nay số theo riêng, nên Thanh văn tự tử thẹn. Bồ-tát tiến hành.

"Nay nói ..." là phân khoa, Tổng phân: Ngài Kinh Khê nói: Ý có bốn: Kinh văn hai đoạn, bốn thứ như trước đã nêu. Nói hai đoạn, tức là chiết phục và nhiếp thọ ở văn này. Cũng có hai, tức trong thất thì nhiếp

thọ, ngoài thất thì chiết phục. Ở trong chiết phục lại có nay có xưa. Nay tức là nhóm tục thăm bệnh, còn xưa là nhóm chúng đạo bị chê trách. Ở nhiếp thọ cũng có hai ý: Năng sinh và sở sinh. Năng tức ở thất trống, sở tức là ở sáu phẩm. Lại cũng có thể phân về tự tha. Tha thì truyền ý Phật, tự thì kể tình mình. Tức từ “cư sĩ có bệnh ấy ...”. Văn sau nói về ngoài thất đã có vô số trăm ngàn người cùng đến thăm bệnh. Khi ấy; chưa vì các trưởng giả, quốc vương hiện việc khó nghĩ bàn. Cho nên kiến kiến khi có thăm bệnh. Về bệnh, tuy lại ở trong thất mà kẻ được giáo hóa, cơ hình đều sơ sài. Hơn nữa, nói ở ngoài thất là từ được giáo hóa mà nói là ngoài thất. Lại chiết nhiếp... cũng dùng ý ba phương tiện của kinh Anh Lạc, suy nghĩ ắt có thể biết. Trong chiết phục thì đầy đủ cả nhiếp thọ. Chiết thì như chiết quán, nhiếp thì như thể quán. Lại chiết thì như quán thân, nhiếp thì như khuyến cầu. Lại trong nhiếp mà chiết, tức điều phục thì như chiết, còn ủy dụ kiến kiến thì như nhiếp. Lại Tạng chiết thì thông nhiếp, Biệt chiết thì Viên nhiếp. Lại quyền thì chiết, thật thì nhiếp. Cho đến không phải quyền không phải thật trở đi các văn sau thì kiến kiến có phẩm. So cách nói này thì có thể biết.

“Nay đến ...” là phân biệt, có hai: a, chánh phân, tức là chiết phục tự thể duyên tập, ngài Kinh Khê nói: Hỏi: Trước đã phá việc xưa tự lập hai thứ duyên tập, nay vì sao lại lập tập tự thể? Đáp: Gồm phá Luận sư lập tên riêng nay, nhưng nay chỉ lập một tập vô vi, nên hợp nêu. Lại trong văn nay trước đã dựa vào đó mà lập tên tự thể nhưng đã ngầm bỏ đi.

Liệu giản, có hai: a, Phên đầu, ngài Kinh Khê nói từ “hỏi đáp ...” là lập lại lỗi ấy, mà luận đại tiểu được tên có khác đôi chút, tức là chánh giải thích. Song cần được ý chỉ chánh giải thích mà gồm muốn chiết phục kiến kiến. Các Sư Nhiếp Đại thừa lấy nội ngoại trần sa cùng vô minh mà hợp nói. Nay nói Nhị thừa cùng các Bồ-tát đồng có vô vi duyên tập nội ngoại đã phân xong tức có kiến kiến. Nhị thừa đều từ đấm trước vô vi mà lập tên. Bồ-tát thì không đấm trước chỉ quán tự thể và pháp giới cho nên riêng được tên gọi là pháp giới, pháp giới không phải duyên, vì duyên cùng thể của pháp giới ấy hợp từ sở chướng mà nói. Nên nói là tự thể pháp giới duyên tập. Vì thế cần phải đặt trần sa từ vô minh mà lập. Vì trần sa hoặc đều không lôi kéo chúng sinh ra nội ngoại giới nên bỏ đi mà không lập. Do đó vẫn nói tên khác mà thể đồng. Cho nên nói người học cùng phạm phu đồng có tư hoặc ba cõi. Văn có hai: a, Hỏi, b, Đáp, Chánh đáp. “Như phạm...” là dẫn lệ. Phên hai, ngài Kinh Khê nói học vấn... đây là hỏi từ văn đáp trước mà có, hoặc chân hoặc trung đều

được gọi là lý. Trong đó nương hoặc đã gọi là tự thể, vậy nương chân cũng gọi là hoặc tự thể chăng? Đáp trước đã dùng tên của nhiếp Luận sư mà gọi. Nay lại nhân đây mà vấn nạn. Trong ý đáp hai chân đã khác thì nghĩa chân bèn khác. Cho nên chương nội giới hoàn toàn không phải tự thể, không thể đồng với chương mà lập tên, hướng hai hoặc thể đã khác mà thô tế càng khác hẳn. Hai chân này đầu tiên đã khác xa sao lại cưỡng ép là đồng. Cho nên biết: Tự thể đem đối trung thì hiển bày thiên chân, không phải tự không phải thể, nhưng đối với vô vi không hợp mà lại lập riêng cho nên dựa vào phá trước mà giữ nguyên lý cũ.

“Thử bán ...” là tùy văn giải nghĩa, phẩm rười đầu chê trách chiết phục, nửa phẩm nói về chiết phục nội giới hữu vi duyên tập, Phân khoa. tùy giải thích, Phương tiện hiện bệnh, Chánh giải thích. Liệu giải, chánh biểu thị hai duyên tập. Sao biết được như thế, song cũng như ở đây vậy, là lời chỉ trên nói vì sao biết được việc ngài Tịnh Danh ngộ bệnh là biểu thị cho hai thứ duyên tập này? Ý đáp: Vô duyên đại Bi... che khắp mười giới gồm thân tất cả chúng sinh. Cho nên biết hiện bệnh là dẫn dắt sáu phạm bốn Thánh khiến cho không bệnh. Tiếp nói đồng tiểu: sở dĩ hỏi là ngài Tịnh Danh tích hiện thân cư sĩ vốn là Bồ-tát, hai bệnh đã đủ sao cần phải đồng tiểu? Ý đáp: Phổ môn thị hiện đâu có chương Nhị thừa. “Lại nữa ...” là chỉ dựa vào bốn giáo Bồ-tát, mà Thông giáo đã gồm nhiếp Nhị thừa, nên lấy chỗ chứng là đồng. Các người tham vấn. Nhân vì nói pháp, Đoán luận ý nghĩa, chung nêu phân khoa. “Văn đầu ...” là riêng nêu ý, Nói pháp chỉ quy: “Nay đây ...” là phán quyết chỗ thuộc của quán môn. “Các nhân giả ...” là tùy văn giải thích, Tổng nêu nói pháp. b, Chánh nói quán môn đoán nêu ý, đoán bày quán moan: Bồ xưa dùng nay. Một ước ...” là chánh nêu nghĩa nay. Mười tướng, ngài Kinh Khê nói: Đây đủ như thứ lớp pháp giới. Nói ba thứ trước, tức vô thường, khổ, vô ngã. Bốn thứ giữa là ăn, bất tịnh thế gian, không thể vui, chết bất tịnh. Ba thứ sau là đoạn, ly, tận. Nay ước theo khuyến cầu... nếu nhập vào ba thứ sau tức là nhập vào vô vi, cho nên không nói. Ước hai thứ niệm xứ. Hỏi vì sao không ước duyên niệm xứ? Đáp: Duyên không phải là chánh quán, chỉ là phân biệt văn tự các môn, cho nên lại bỏ đi. Song trong năm thứ trên, hai hạnh chính giúp tương đại đồng, tuệ hành là chánh, hạnh hành là phụ. Nay lập riêng thì hạnh tức hay làm. Đạo tức nơi dẫm đạp, đi qua. Đạo hạnh không đồng nên riêng lập.

“Nay ước ...” là nói ý dụng môn, Riêng bày. Ngài Kinh Khê nói: “Lược nêu ...” là nói về năm tu. Trong bốn văn trước thì ba cõi đầy đủ, vì sao không nói cõi Thường tịch? Đáp: Văn thứ năm nói: Trụ bất tư nghi

tức là cỡi Thường tịch, đầu cần phải lập riêng, chỉ vì Thường tịch quang mà làm sở thành, tức lấy ba cỡi mà làm năng thành. Cho nên sở thành chỉ một, mà năng thành có ba. Thế thì việc năng sở có khác nhau.

Hỏi: Ba thứ trước thuộc chúng sinh, đối với chúng sinh mà thành tự (mình). Tịch quang thuộc sở, đối với Phật mà thành tự. Từ tự nhìn sang tha, lại thành hai thứ tha, nghĩa nó thế nào?

Đáp: Phá nghĩa tự tha đã như trước giải thích. Nay từ sở đoạt cứ một mực như thế, đầy đủ phải như trước đã phá. Vì sở kế năng kế nên có bốn cỡi. Lý lại tương tức, nên không riêng mà riêng. Trong đó cái thứ ba tức là ngang. Đồng cư tức là đồng ở Tịnh đồng cư. An dưỡng mới là khác chỗ ở Tịnh đồng cư, đầy đủ như phẩm Công Đức của Pháp Hoa đã nói. Kế dẫn việc ngài Loa Kế thấy mà nêu lệ Tịnh đồng cư. Lại nữa, Phật tuệ là thấy tịnh mà không trước “dơ”. Bởi do Phật tuệ tức như Pháp Hoa. Do Phật gia hộ mà dẫn việc thấy của ngài Loa Kế. Ngài Phổ Hiền cũng chứng Phật tuệ, là người trừ hết trước, là hàng Nhị thừa thấy ngang. Cũng do vừa nghe được Phật tuệ.

“Giả bệnh...” là tổng kết. “Nay đến...” , là tùy văn chánh giải thích, Kiến đạo, Nói vô thường, Chánh nói vô thường, nêu ba việc vô thường, Ca-la-la cũng là Yết-la-lam, Hán dịch là tạp uế, hình trạng như sữa đặc. Đây là gá thai bảy ngày đầu. Ở thai phải trải qua ba mươi tám lần bảy ngày. Nói phàm phu khởi lệ. Khởi các phiền não... là bảo thân là thường còn nhân đó khởi các hoặc, vì hoặc nên nhuận nghiệp, vì có nghiệp nên kéo dặt thọ sinh ba đạo không cùng, luân chuyển mãi không ngớt. “Bất giác ...” là nêu tướng vô thường. Ba việc phân ly, tức gió hơi thở đã dứt, hỏa đại liền diệt, thì thức theo nghiệp mà chạy đi, nên nói là ly tan. “Nay tịnh...” là nói ngài Tịnh Danh phá các điên đảo, Nói pháp phá điên đảo. b, Nếu hay ...” là cơ duyên ngộ đạo, Nói quán tế vào đạo. Quán tế vô thường, một lần chết mất gọi là thô. Niệm niệm đời đời gọi là tế. Tức sau đó nói rằng: Tất cả thấy như đều vô thường.

“Nhược tỳ...” là bày hai môn khác mà nói, có hai: nêu chung hai môn. “Thành luận ...” là vì vô thường là pháp hữu, cho nên lấy không mới thấy đạo. Nay ước trở đi, là nay y vào hữu môn. Giúp thành, có bốn: Giải thích vô cường. Giải thích vô lực. Giải thích vô kiên. Giải thích hoại nhanh. Câu kết: Phá chấp.

Nói khổ, Chánh nói khổ môn, Nêu hiện văn mà giải thích trực tiếp. Ba khổ, là khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. Tám khổ, bốn khổ sinh... thì bốn khổ lại thêm oán tăng hội, ái biệt ly, cầu bất đắc, ngũ thạnh ấm. Về chín não, thì Tiêm sư nói:

1. Quấy não ta.
2. Quấy não bà con ta.
3. Khen kẻ ta thù ba đời đều như thế, nên hợp làm chín.

Hỏi: Quá khứ đã qua, vị lai chưa đến sao gọi là não?

Đáp: Não tuy cảnh ở quá khứ, vị lai nhưng ở hiện tại cùng gặp nhau thì sinh não. Và ở quá khứ từng quấy não thì đối với ta luôn ghi nhớ mãi trong lòng. Căn cứ khổ giải thích lại. Hành khổ, là niệm niệm đối đời gọi là hành khổ. Trái duyên phá hoại lạc thọ, trái tình cảnh gọi là trái duyên. Khổ chung có bốn... văn sau nói: Bốn khổ có hai. Nếu nói tức sinh, tức lão, tức bệnh, tức tử đó là ước lý, tức là khổ chung. Sự bốn khổ tức nay là khổ riêng. Khổ khổ riêng đối với khổ chung thì sự khổ nặng hơn lý khổ. Cho nên biết sinh... đều là khổ khổ. Vì sao văn nay chỉ lấy bệnh là khổ? Đáp, trong đó có hai ý:

1. Căn cứ bệnh khổ ở hiện tại rất mạnh mẽ nên khác với ba thứ kia.

Nói kỳ thật sinh... đều gọi là khổ. Chỉ ngài Tịnh Danh hiện bệnh, nên riêng lấy khổ bệnh mà đáp.

Kết thành nghĩa khổ. Còn gì để cậy nhờ. Kinh Thi nói: Không cha cậy ai, không mẹ thì nhờ ai. Chú thích hổ là nhờ, thị là cậy.

Nói không, Đoán nêu Nêu chương. Tùy giải thích, Chung riêng giải thích, Chánh nêu. và liệu giản, phân biệt hay dụ đại tiểu. Không nên dùng dụ ánh lóa và huyền hóa, vì Tiểu thừa Không có dụ ánh lóa và huyền hóa, nên không nên dùng. Bọt bèo, trong bóng, thì mười dụ của Đại thừa Không có bọt bèo... mười dụ là:

1. Huyền hóa.
2. Ánh lóa.
3. Trăng trong nước.
4. Hư không.
5. Tiếng vang.
6. Thành Càn-thát-bà.
7. Mộng.
8. Bóng.
9. Hình ảnh trong gương.
10. Hóa.

Tạp dụ không hợp lẽ, đã bốn giáo đều nói, cho nên Tiểu thừa dùng chung các dụ. Chỉ Đại luận đến như huyền, ngài Kinh Khê nói: Đây đủ như huyền hóa, tục thì đồng, chân thì khác, một tục ba chân. Lệ theo ý có thể thấy. Cho nên đối với một huyền mà chỗ thấy không

đồng. Do đó Thông giáo ba người lại thấy khác. Người Biệt giáo thì thứ lớp diệt huyễn mà thấy lý. Người Viên giáo thì tức huyễn mà thấy pháp tánh. Người lợi căn thì chỉ là người Biệt Viên. Khuyên tu quán, là lưu ý suy nghĩ tìm vấn, mê tông thì gọi là kẻ đếm bấu. Từ nhiều mà luận... nghĩa là Thỉnh văn cũng là lợi căn mà nói như huyễn... nhưng kinh phần nhiều nói dụ về bọt bóng nước... kinh Đại thừa cũng nói về bọt, bóng nước... để làm trợ đạo, nhưng phần nhiều đều nói dụ như huyễn... cho nên bỏ ít mà theo nhiều, lấy dụ để phân giáo. Cho nên nói đều có nẻo gốc. “Đại phẩm ...” là chánh bày. Kinh Đại thừa cũng nói ít dụ. Nhưng nhiều ít cũng khác nhau.

Sáu dụ, chọn dụ ly hợp. Ly hợp, ngài Kinh Khê nói giả thân tức là các pháp hợp thành, thế nên được tên là ly hợp không nhất định. Cũng như Bà-sa giải thích về mười hai nhân duyên. Hoặc nói một pháp tức hữu vi, hoặc nói hai pháp tức nhân quả, hoặc nói ba pháp tức ba đạo, hoặc nói bốn pháp tức hai nhân hai quả, hoặc nói năm pháp là hai nhân, ba nhân. Hoặc nói sáu pháp là ba đời nhân quả, hoặc nói bảy pháp là hai nhân năm quả, hoặc nói tám pháp là ba nhân năm quả... đều dùng ba đời sánh nhau mà nói nhân duyên tạo thành tức giả thân. Cho nên các kinh luận về pháp tướng ly hợp đều là bất định. Nay dùng ba sự, nếu căn bản thiên thì phần nhiều từ hơi thở mà nhập. Nếu Thông minh thiên thì quán đủ ba việc, nếu vô lậu thiên thì quán bất tịnh và ba việc. Thế nên văn nay chỉ nói ba việc.

Thông tướng mà giải thích, Luận khác. Cho nên không đồng trước, tức không đồng trước đem chung riêng mà giải thích. Lấy thứ khác mà đối sắc thọ... văn nay nói đủ là thân ấy. “Nay thông ...” là chánh nêu, có hai: a, Dùng Tạng, Thông để phân dụ là thân không, tức nhập không. Căn cứ Tạng, Thông quán môn, ngài Kinh Khê nói: Hỏi: Ở quán không tức dùng Đại thừa mà nói pháp, là sao? Đáp: Trong đây nói Không, là Không gồm cả thể và tích. Cho nên ở đây mà nói nghĩa cho tiện.

Lập hỏi đáp để giải thích thành, Nêu phần dụ để làm bằng, có hai:

1. Hỏi.
2. Đáp.
- Nêu thể dụ có không, có hai:
 1. Hỏi.
 2. Đáp.
 - Nêu ý chỉ lập dụ, có hai:
 1. Hỏi.

2. Đáp.

Để hiểu không, tức là huyền... thì người đều biết là không. Nên nêu huyền... để dụ cho ấm không... vốn “không” mà phạm phu vọng chấp. Nên nói là khó hiểu.

Bày các dụ mà hạn cục chung, có hai:

1. Hỏi.

2. Đáp.

Nhiếp Đại thừa đến tám dụ, là dẫn chứng huyền.... Làm dụ cho Biệt Viên. Tiêm sư nói: Luận ấy quyển sáu nói: Nếu thật không có vật thì sao lại thành cảnh giới. Để giải nghi này nên nói dụ việc huyền hóa. Nếu không có cảnh giới, tâm và tâm pháp thì sao được sinh? Để giải nghi này nên nói dụ nai khát nước. Nếu thật không có trần ái và phi ái thọ dụng thì sao được thành, để giải nghi này nên nói dụ mộng tưởng. Nếu thật không có pháp thiện ác hai nghiệp ái phi ái quả báo thì sao được sinh, để giải nghi này nên nói dụ về bóng “ảnh). Nếu thật không có pháp thì sao các thứ trí sinh, để giải nghi này nên nói dụ về bóng sáng. Nếu thật không có pháp vì sao các nói năng khởi lên, để giải nghi này nên nói dụ tiếng vang trong hang. Nếu thật không có pháp, vì sao lại thành duyên pháp chân thật định tâm cảnh giới, để giải nghi này nên nói dụ trăng trong nước. Nếu thật không có pháp, vì sao các Bồ-tát cố làm tâm không điên đảo, vì người khác làm lợi ích mà thọ sinh ở lục đạo, để giải nghi này nên nói dụ huyền hóa. “Nay giải thích...” là kết đại ý lập dụ. “Thân ấy...” là tùy giải thích, có mười:

Tụ bọt nước, kinh nói Toát ma, thì Quảng Nhã nói Toát là nắm giữ. Thích Danh nói Toát là chọn. Nghĩa là tạm chọn lấy. Ngài Kinh Khê nói về tụ bọt nước là dụ người không, ý muốn hiển bày pháp Không kiến kiến chưa sáng rõ, như lấy nước rót vào nước. Nước dụ cho thật pháp, bọt nước dụ cho giả danh, chỉ phá bọt nước. Cho nên chỉ phá mây giả... cũng thế. Nếu dụ như huyền thì toàn thể là huyền, đâu phá người huyền mà lại còn giữ huyền pháp. Ảnh “bóng)... cũng thế. Nếu kiến như nhân thuốc, nhân vật mà thành con hổ ảo thì nghĩa cũng giống như bọt nước. Bóng cũng vậy.

Tiếp là bóng nước. Ánh sáng lóa. Ngài Kinh Khê nói: Thân ấy như ánh sáng lóa. Từ khát ái sinh ra, tức ánh lóa do khát nước sinh ra. Như thân kiến kiến từ ái sinh ra. Lấy ánh lóa dụ cho thân nên cùng nêu thứ ấy. Bóng cùng nghiệp duyên cũng như thế. Tiếp là thân chuỗi. Huyền. Mộng. Bóng. Tiếng vang, có hai: a, Giải thích hiện văn, căn cứ ở hang và tiếng vang mà giải thích. Hang trống và tiếng vang ứng

hợp nhau. Lão tử nói đó là hang thần bất tử. Căn cứ tiếng vang mà giải thích: Bảy chỗ, Đại luận quyển sáu mươi giải thích về dụ tiếng vang có nói: Như khi người nói thì hơi trong miệng phun ra gọi là Ưu-đà-na, khi hơi này ra rồi lại trở vào đến rún. Có kệ rằng: Gió tên Ưu-đà-na. Tới rún thì bay lên, gió này đùng vào bảy chỗ. Đánh và răng, nướu, môi, lưỡi, yết hầu và ngực. Do đó tiếng phát ra. Tiếp Thông qua các phân biệt trước mà nêu rõ mỗi thứ đều có dụ, tức lấy huyền dụ cho cảnh giới. Cho đến lấy biến hóa dụ cho Bồ-tát thọ sinh. Cho nên nói mỗi thứ đều có dụ, rõ ràng như đã ghi trước.

Ý hỏi: Đã đồng Đại thừa, vì sao lại khác. “Tám thứ biệt dụ...” là chánh pháp quyết Nhiếp luận là Biệt giáo. Như lấy bốn đức để đối bốn thứ Tam-muội. Ngài Kinh Khê nói: Tức trong hai mươi lăm Tam-muội thì lấy vô ngại Tam-muội để phá không xứ, lấy thường Tam-muội để phá thức xứ, lấy lạc Tam-muội để phá Bất dụng xứ, lấy ngã Tam-muội để phá phi tướng xứ. Tuy không tịnh mà gọi là vô ngại tức tịnh. Nếu định dựa vào đối tức nghĩa riêng. Nói phá bốn thứ người, tức chỉ là người ở trời Tứ không.

Mây trôi. Mây từ rỗng mà ra. Chu Dịch nói: Mây từ rỗng, gió từ cộp. Cũng là khí âm dương. Xuân thu nguyên mạng bao nói: Âm dương hợp lại làm mây.

Điện chớp, nghĩa sấm chớp chưa rõ. Lại Ngũ kinh thông nghĩa có nói: Sấm chớp là ánh sáng. Cổ Khởi Chi nói: Âm dương đùng nhau làm sấm làm chớp. Lại Kinh Luật Dị Tướng nói: Có bốn thầy nói về điện chớp cùng hai giải thích trước nói khác nhau, chưa thể phán định được nên nói là chưa rõ. Nói về vô ngã, Phân khoa giải nghi, Đối không mà giải nghi, gồm hỏi và đáp Không, là phá giả danh mà được người, không phá thật pháp mà được pháp Không. Vô ngã, ngài Kinh Khê nói: Chúng sinh vô ngã, pháp vô ngã, bình đẳng vô ngã. Bình đẳng vô ngã tức Đệ nhất nghĩa không, đầy đủ như văn sau. Trong phẩm Quán Chúng Sinh đầy đủ ba Không, tức ba vô ngã. Tiếp đối giáo mà giải nghi Hỏi và Đáp, “Năm loại đầu ...” là theo văn giải nghĩa, Căn cứ bốn đại chủng mà nói vô ngã, là tùy giải thích. Cùng nêu. Cùng giải thích, Phá ngoại. Tiêm sư nói: Đây phá kiến hoặc, do đó trước phá ngoại chấp (), ngoại chấp chính là kiến hoặc. Nội quán, Dẫn bộ chấp. Hữu môn giám địa... mà lập tên chúng sinh, cho nên chúng sinh giả mà địa thật. Không môn lấy bốn vi thành bốn đại, cho nên địa chỉ có tên mà bốn vi là thật, bốn đại còn giả thì chúng sinh có thể biết. “Nay nói ...” là nay giải thích, có hai: a, Căn cứ bốn vi mà kiếm phá. Bốn vi nội địa được thành... ngài

Kinh Khê nói: Đây tạm thời thuận với ngoại chấp mà nói, tức trong hai mươi lăm đế thì có chấp này. Cho nên nói: Trong bốn đại, vì có tăng giảm, là ý nói: Sức nói mỏng thì phải nhiều vi mới thành. Nếu sức lớn, thì do ít vi mà thành. Cho nên trong bốn đại, thì sức của phong rất lớn chỉ một vi thành. Tức thủy không có hương vi, hỏa không có hương vi. Cứ một mực quán thì cũng gọi là giống đây. Song đối Phật pháp trọn không có một vi riêng rẽ mà thành pháp được. Chỉ những thứ có chất đều do bốn vi mà thành. Nay muốn phá chấp, cho nên phải từ chấp.

“Cho nên...” là nói hỏa do hai vi thành. “Nếu bên trong...” là bốn đại đã không chủ thì ba việc đâu không như thế. Vì trong ba việc thì mạng sống tức phong đại, sức ấm tức hỏa đại, thức tức thức đại trong sáu đại.

“Hai Hựu thỉnh ...” là ước bốn câu mà kiểm phá, Chánh kiểm phá. Địa không có tánh bền chắc, tức là văn kinh ấy. “Nếu có... ..” là nay Sư căn cứ cú mà kiểm phá. Giải thích kinh về nghĩa không bền chắc. Kim Cang trở ... đi là dẫn chứng kinh. Kiểm hỏa duyên vô tự tánh, đã không tự tánh thì cũng không tha tánh... cho nên phá tánh bốn câu. Kiểm phong: Bốn câu kiểm phong, Tiêm sư nói: Nếu chấp phong là có, tức là có ngoại. Còn ba thứ kia cũng thế. Kiểm thủy, nếu thủy đến thì ông cũng như thế. Đây nếu thủy mà y theo đó thì để gạt vấn về việc có thần. Nếu ông nói người có thể từ bi đối với người dưới, thì tùy vật mà biết có thần. Vả lại nước là vô tình mà thường thấm xuống dưới. Tùy đồ vật mà thấm xuống, nào khác gì lòng từ nghĩ khắp. Tùy vật vuông tròn nào khác tùy người. Người nếu có thần thì nước cũng có. Nếu bảo nước không, thì người cũng không. Cho nên nói ông cũng như thế. Bốn câu kiểm thủy, nghĩa là có người bảo không hai, nhưng cũng song phi (đều không phải), tất cả đều là nghĩa trụ mà không khởi bốn chấp mới gọi là bất trụ. Đây kiểm bốn đại thì văn đều dẫn ở thỉnh Quan Âm. Tức kinh ấy, ngài Thân Tử vì Ưu-ba-tư-na mà nói bốn đại Không chủ, cả hai đều nhập vào bờ mé như thật, ý đó cũng đồng với Đại thừa. Rộng giải thích kinh ấy để phá bốn đại như trong tùy tự ý của chỉ quán. Kiểm chung. Tổng căn cứ bốn đại mà nói vô ngã. Ngài Kinh Khê nói: Hỏi: Vì sao không nói thí dụ mà nói căn cứ? Đáp: Căn cứ là y vào đó mà thành, tức như y ngoại phá nội nên chỉ nói là căn cứ. Nay suy từ địa ở ngoài cho đến vô chủ thì biết thân vô chủ. Căn cứ ngoại mà biết nội, nên nói là ước. Các đại kia chuẩn đây mà biết. Ngoại nói y thân “nương sức thân). Nội nói thân ấy y vào các đại. Lấy đại so với thân thì đại là thật pháp. Người ngoài mê đó, gọi là có thần.... Bốn đại Không phải do một thần

làm ra thì nương vào đâu? Nếu cùng nương bốn đại thì phải có bốn ngã. Sở nói: bốn thân chính phá bốn ngã, vì ngã nương thân nên nói bốn ngã, vì trong ngoài đều có bốn đại. Tiếp dựa theo không chủng mà nói vô ngã. Sở đã là không thì sở tức là đại hư không. Bao vây hư không, đó là không đại ở trong thân. Trong văn nói cho đến ngoại không là lời nói phụ, cũng nói và là. Lại lấy đó mà giảng dạy. Trong kinh luật đều nói cho đến như tựa luật Tứ phần cho đến thân chứng. Từ xa xưa viết lách nói luận đều nhanh chóng đổi là và . Trọng Ni nói: Ta cùng Sư thiếu văn, nay đã mất rồi. Kẻ hậu sinh học cạn cần thận chớ vọng đổi, lần lần thành sai lầm. Cũng là một tướng diệt Phật pháp, các việc khác đều phỏng theo đây.

Dựa theo thức chủng mà nói vô ngã, dựa theo thức chánh phá: Cỏ cây ngói gạch cũng do âm dương chuyển biến, tức cỏ cây thì mùa xuân tươi tắn sum xuê, mùa thu tiêu điều. Gạch đá thì mưa đến tất ngấm rã, đều giống như có cảm biết. Ngài Kinh Khê nói: Gạch ngói cũng có bốn mùa biến động như đốt ngói thì biết trời mưa. Tiêm sư nói khi sắp mưa thì ngói nặng, sắp tạnh thì tro than nặng. Thần khiến biết mà biết, nghĩa là lấy biết mà biết vật, nên nói biết mà biết. Dựa theo phong mà giúp phá. Cho nên Đại tập nói... ngài Kinh Khê nói tâm niệm lôi kéo phong. Cho nên đều do tâm niệm làm tăng thượng duyên. Cho nên các nghĩa trước đều do tâm cùng bốn nghĩa trước hợp nhau mà sinh. Sinh các thứ chấp là phá ngoại nhân và các nội chấp. Nên mỗi thứ đều phá. Khi không hợp thời thì không có việc tay chân bất toại. Toại là tiến tới.

Tiếp nói Tu đạo, Đoán nêu: Nghiên cứu rõ mà chỉ định. Nếu tiếp theo trước... ngài Kinh Khê nói: Dựa theo năm đôi trước. Nay chỉ năm đôi nên ở một đôi kiến tu mà tiếp kiến đạo, tức là tu đạo. Đây lại bất định, là ở trong năm đôi tùy đối một đôi, là một đôi nào? Lại hướng về trước... ở một đôi kiến tu đạo, nếu lại hướng về bốn hạnh mà nói bất định này thì chỉ thành trong ngũ đình tâm. Cho nên nói kiến đạo phương tiện. Vì đứng đầu Thất hiền nên nói là trước. “Minh dữ... ..” là sáu hiền cùng thành phương tiện. “Bồ-tát... ..” là chánh căn cứ tu đạo, có hai: a, Hiền công bày vị. Ngài Kinh Khê nói: Bồ-tát nếu nhập..., tạm dựa vào đương giáo, ý gần thì là Thông Bồ-tát, nếu xa mà luận thì cũng giúp Biệt Viên. “Nay chẳng ...” là căn cứ vào nghĩa mà thử giải thích, Y theo bốn tướng. Bốn thứ này tức bốn trong mười tướng:

1. Tưởng bất tịnh trong thân mình người có ba mươi sáu vật. Ngoài thì có chín lỗ thường tiết ra chất dơ, từ sinh ra đến khi chết không có một thứ nào là sạch cả.

2. Thực bất tịnh, xem các thứ ăn uống bất tịnh đều từ nhân duyên bất tịnh mà có.

3. Thế gian không có gì đáng ưa vui. Thế gian có hai: a, không thấy có chúng sinh tốt đẹp. b. Không thấy có cõi nước tốt đẹp.

4. Tử tướng. Tử là thường bị chết chóc đuổi theo. Khi thở ra không chắc được hít vào thì thân sẽ lâm nguy. Đây là căn cứ ở chúng sinh thế gian.

Căn cứ ở bốn khổ, chánh nêu: lại nữa... làm bốn khổ, ngài Kinh Khê nói: Không nhất định từ trong bốn Niệm xứ mà quán vô thường, vì thông tu đạo. Cho nên khổ cũng thế. Tức là ba cõi đều khổ. Tuy miễn trở lại bốn thứ, nhưng phải bảy lần trở lại nhân thiên đầy đủ... hưởng vẫn nhân thiên ở Dục giới mà qua lại thì cũng có thể đối sinh...

Chỉ bốn...”, là kết phán quyết. Ngài Kinh Khê nói: Về lý bốn khổ là sát-na vô thường vô thường. Sự bốn khổ, tức ở tu đạo, vì khi tu quán mà quán tư hoặc. Vì tư hoặc thuộc sự nên gọi là sự. Nay nói lý sự thì cũng gọi là chung riêng, cũng gọi là thô tế. Lý chung thì sự riêng, lý tế thì sự thô. Đối thô gọi là lý, lý này vẫn là sự.

“Thân ấy ...” là tùy giải thích. Năm thứ bất tịnh là:

1. Chủng tử bất tịnh, là thân này nắm di thể của người khác mà gởi thức vào đó.

2. Trụ xứ bất tịnh, mười tháng ở thai mẹ trong khoảng hai tạng sinh thực. Khi sinh thì từ niêu đạo mà ra ngoài.

3. Tự tướng bất tịnh, là nằm ngủ nơi phẩn uế, chín lỗ thường tiết ra chất dơ.

4. Tự tánh bất tịnh, là trong thân chỉ có máu mủ cứt đái.

5. Rốt ráo bất tịnh, là khi chết rồi thì thân như chó chết hư rã hôi thối.

Nói rộng như trong Chỉ quán quyển bảy. Ngài Kinh Khê nói nó hơn hết cho đến chín tướng đầy đủ như trong pháp giới thứ lớp đã nói. Các thứ khác đều sinh khổ. Tự tướng bất tịnh còn thông cả trong thai lúc đầu mới gá thai, hưởng là tánh ư? Thế nên biết cũng thuộc sinh vậy. Tuy lại tắm rửa... có người nói: Chữ y đọc bình thanh, chữ thực đọc nhập thanh. Nay nói không phải thế. Khi chưa thọ dụng thì có thể đọc hai thanh bình và nhập. Nếu chánh thọ dụng thì phải đều đọc khứ thanh. Nếu hai chữ y và tự đọc theo bình và nhập thanh thì tắm rửa chỉ phải nói là nước nóng. Chưa thọ dụng cho nên là giếng hư. Ngài Kinh Khê nói nghĩa là rã mục vô dụng ở đôi gò. Nghiệp lực giữ gìn, đây là giải thích thân ấy ở nghĩa vô định. Ngài Kinh Khê nói: Nếu chuẩn theo mọi người thì mỗi người

đều có nghiệp, cũng có thể có nghiệp nhất định, có thể phá, cũng có thể là vô định. Lại có người gặp duyên hoạnh tử lớn nhỏ như kinh Dược Sư nói, Đại kinh quyển hai mươi bốn nói có chín thứ hoạnh tử cũng thành bất định. Huống lại chỉ căn cứ mọi người có nghiệp. Hình tướng các nghiệp cùng so nhau đều gọi là bất định. Ở núi, biển, khoảng không và chợ búa, như kinh Pháp Cú quyển hai có nói: Có bốn anh em Phạm chí, mỗi người đều có thần thông biết sau bảy ngày đều sẽ chết, cùng nhau bàn mưu trốn thoát. Một người nói ta trốn vào biển khơi, dưới không đung đất trên không ngoi khỏi mặt nước. Một người nói ta chui vào giữa bụng núi Tu-di và biển hình thành núi ấy. Người khác nói tôi bay lên ẩn mình giữa không trung. Người chót nói tôi trà trộn giữa mọi người trong chợ. Ai cũng bảo chỗ trốn như thế thì vô thường sát quỷ đâu biết chỗ ta ở. Bàn xong bèn từ tạ vua và nói rõ ý mình phải lánh đi. Qua bảy ngày sau thì cả bốn người đều chết. Quan coi chợ tâu vua có một Phạm chí chết giữa chợ. Vua nói có bốn người trốn, một người đã chết, ba người kia đâu thoát được. Than ôi, cái chết đã đến không thể tránh được. Linh nghiệm thay! Tấn thư nói Quách Phác rất giỏi nghề bói toán âm dương lịch số. Ở đời Tấn Nguyên đế, ông cùng Hoàn Di kết bạn luôn qua lại nhau. Một hôm Di thấy Phác ở giữa phòng vợ mình bảo rằng: Anh đến xứ người đi đường tắt đến trước. Nhưng không nên gặp tôi ở nhà tiêu. Nếu đến đó tất có tai ương. Về sau Di nhân say rượu bèn đến chỗ Phác ở, lại đứng ngay trên nhà tiêu “xí” mà nhìn thấy một người mình trần xóa tóc ngâm dao đang tế rượu. Phác thấy Di đến hỏi an ủi thì cả kinh bảo rằng: Ta đã dặn anh đừng đến, nay lại đến đây, không phải mình ta bị tai vạ, mà anh cũng không khỏi. Trời đã khiến xui nào biết trách ai. Phác bị Anh vương là Đôn bức tử và Di cũng bị chết. Thế mới biết việc của cảm báo đã định đâu cầu phước kịp mà nói là trời thật hại ta. Biết mà nào có tránh khỏi. Xin nhắc nhủ kẻ hậu côn nên tin lời ngài Tịnh Danh nói mới thật sự là cầu phước. Đây là văn trong quyển bảy mươi lăm của Đại luận. Đại kinh đã kể đầy đủ, tức là nói đám giặc rấn ở xóm vắng. Nên phẩm Thánh Hạnh kinh ấy có nói: Ví như có ông vua đựng đầy bốn con rắn độc trong một cái hộp rồi đưa cho một người chăm sóc nuôi lớn, nếu để một con rắn độc nổi giận thì ta sẽ theo luật mà hành hình bỏ ngoài chợ. Người này hoảng kinh quăng hộp rắn chạy trốn. Vua liền sai năm tên Chiên-đà-la giắt dao rượt theo, lại sai một kẻ giả làm thân thuộc. Nhưng người ấy không tin bèn ẩn trốn vào xóm vắng thì nghe trên không trung có tiếng nói: Trong đêm nay có sáu tên giặc cướp đến. Người này sợ bỏ chạy. Trên đường đi gặp một con sông, liền dùng

bè theo dòng nước vượt thoát mà được an ổn. Bốn rắn dụ cho bốn đại, năm tên Chiên-đà-la là dụ cho năm ấm, kẻ giả làm thân thuộc dụ cho tham ái, xóm vắng dụ cho sáu nhập bên trong, sáu tên giặc cướp dụ cho sáu trần bên ngoài. Con sông dụ cho phiền não, thuyền bè dụ cho sáu độ đạo phẩm. An ổn không nạn tai dụ cho được đại Niết-bàn.

